

## THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

### QUYỂN 10 (PHẦN CUỐI)

Trong giải thích mười chương, từ trên đến đây, phần thứ nhất đã y theo Giải Thâm Mật giải thích chương của mười một Địa, tổng hợp mười chương đã xong. Từ đây xuống phần thứ hai lấy mười một chương tức là hai chương của nó, văn thể có ba phần:

1. Tổng thuyết minh vị thứ của hiện hành chủng tử phục và đoạn.
2. Thuyết minh đốn đoạn và tiệm đoạn.
3. Giải thích sai biệt của bốn Đạo.

**Luận:** “Mười một chương này là chỗ nhiếp của hai chương”.

Thuật rằng: Trong vị thứ của đoạn có hai phần:

1. Chung, tức là hai chương.
2. Giải thích riêng.

Đây là phần đầu. Thế tánh rộng hẹp lại càng không có riêng khác, chỗ đoạn của Thập Địa tuy chỉ có Sở tri, câu phẩm không hiện hành tức là thông với hai chương.

**Luận:** “Trong phiên nào chương”, đến “địa trước đã hàng phục”.

Thuật rằng: Văn dưới đây có hai đoạn:

1. Thuyết minh vị thứ phục đoạn của hai chương.
2. Giải thích các vấn nạn.

Trong phần thứ nhất thuyết minh trước hết là phiên nào chương, vì thế tánh của nó thô, ba Thừa cùng đoạn trừ, dễ thấy được. Chủng tử phân biệt thì không bàn Nhị thừa, nói Bồ-tát đối với cực hỷ Địa thì kiến đạo mới đoạn, vì thế tánh của kiến đạo vị hơi rộng, cho đến tướng kiến đạo thì khởi vị của Hậu đắc trí thời gian lâu cũng còn gọi là kiến đạo, hiện tại lựa riêng riêng với tướng kiến đạo là chỉ có chân kiến đạo. Trong chân kiến đạo chỉ nắm lấy Vô gián hoặc diệt trí sinh khởi, cho nên nói kiến đạo mới đoạn, không phải tướng kiến đạo cũng có thể đoạn, nhưng đây là phân biệt phiên nào hiện hành. Luận Du-già quyển 58 ghi: “Thế gian đạo chỉ hàng phục câu sinh ái hoặc câu sinh khuể lân cận với

kiêu mạn, không nói có thể hàng phục phân biệt phiền não”. Đây là căn cứ theo dị sinh và Nhị thừa tánh mà nói. Hoặc thẳng qua Bồ-tát, chướng kia hiện khởi thì Địa trước đã hàng phục, cho nên quyển trước ghi: “Chỉ có thể phục trừ phân biệt hai thứ”. Đây là tại gia hạnh vị, hoặc tại tư lương vị thì thô hiện hành này cũng có thể phục diệt, nhị tế hiện hành thì chưa có thể hàng phục. Đến gia hạnh vị thì phân biệt vi tế cũng đều có thể hàng phục. Do đây Chánh nguyện và thắng giải Thế gian đạo lực của Bồ-tát, tà kiến và nghi phục trừ không hiện hành. Không phải vì sáu hạnh có chỗ ưa chán mà Bồ-tát không làm, không phải Bồ-tát này không có khả năng đó. Kinh Duyên Khởi ghi: “Nội pháp dị sinh nếu phóng dật thì không có bất cộng vô minh, tà kiến chưa hẳn đều là khởi, tức là tư lương vị đã không hiện hành, chỉ có hai vị phân biệt tham không khởi, cho nên luận tổng nói Địa trước đã hàng phục.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm giải thích tâm thứ tư của Thập Trụ, nói rằng là chân Phật tử thì ở trong đó vĩnh viễn lìa phiền não của ba cõi?

Đáp: Như quyển trước đã giải thích.

**Luận:** “Chúng tử tu sở đoạn”, đến “rốt ráo không hiện hành”.

Thuật rằng: Sau chúng tử tu sở đoạn đều là đốn đoạn, đây là phỏng theo chúng tử mà nói, không nói theo thô trọng. Thô trọng thì trong Thập Địa cũng đoạn, hàng phục câu sinh hiện khởi Địa trước thì cũng được, lý không có nghi ngờ. Kinh Anh lạc ghi: “Ba Hiền Bồ-tát thì chỉ hàng phục mà không đoạn”. Chính là đồng với đây. Trong quyển trước ghi: “Câu sinh hiện khởi chưa hoàn toàn phục trừ”. Nói rằng tạm khởi, là bốn Địa trước trong Thập Địa cũng còn khởi ngã kiến, vì Địa thứ bảy trở về trước cũng còn khởi tham sân...

Hỏi: Chính khi còn tại Địa trước, những chỗ chưa hàng phục thì tướng mạo có thể biết, khi đã hàng phục thì cùng với đây có khác gì?

Đáp: Đạo lực cũng còn yếu, không thể hàng phục hết, vì phiền não mà chế phục chút ít phần tự hiện hành, tức là ngã tham... có bảy niệm dấy khởi, cho nên nói Địa trước đã có thể hàng phục chút ít, không phải có tướng riêng Địa trước hàng phục nó, từ khi nhập Địa trở đi có thể nhanh chóng hàng phục hết. Như A-la-hán có bất bố cho nên khởi phiền não, bố thì không phải như thế. Chỗ nói kiến sở đoạn trong đây là chỉ có người đốn ngộ, tu sở đoạn thì thông với hữu học tiệm ngộ. Vô học tiệm ngộ thì cả hai thứ đều không có. Địa thứ tám trở đi cũng không cố tình khởi, mặc tình thì không hiện hành, vì đạo lực thù thắng. Đây là văn của luận Đối Pháp quyển 14, như quyển 3 trước dẫn giải.

**Luận:** “Trong sở trí chướng”, đến “Địa trước đã hàng phục”.

Thuật rằng: Như quyển trước đã giải thích. Gia hạnh của Bồ-tát chỉ ưa thích đối với trí, kiến đạo trở về trước thì chỉ hàng phục pháp chấp, phiền não chướng của nó cũng tùy theo đây mà phục diệt. Nhưng do gia hạnh của Sở tri phục diệt, cho nên nói phiền não phục diệt, không phải Tiên gia hạnh phục diệt phiền não. Trong Thập Địa, phiền não đồng thời với Sở tri chướng phẩm phần nhiều cũng như thế, không phải “đồng thời” này các Địa đều có thể khởi.

**Luận:** “Chúng tử tu sở đoạn”, đến “mới vĩnh viễn hàng phục hết”.

Thuật rằng: Trong đây giải thích về thời tiết của đoạn và phục, như phiền não mà nói, do các Địa có thể bị chướng, cho nên trong Thập Địa dần dần có thể đoạn, cho đến Thập Địa mới vĩnh viễn hàng phục hết, do đạo lực trước chiết phục thì Sở tri chướng của Địa sau hiện, khiến cho nó không hiện hành thì gọi đó là phục. Đây là cũng chưa xong, tám Địa trở đi, Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, thức nào hiện hành?

**Luận:** “Địa thứ tám trở lên”, đến “có thể trái với nó”.

Thuật rằng: Thức thứ sáu đồng thời là Địa thứ tám không hiện hành, vì hai Không Vô lậu trí vô phân biệt tâm cùng với quả diệt định hậu đắc trí này tương tục không đoạn có thể trái với hai chấp của Thức thứ sáu cho nên không hiện hành.

**Luận:** “Thức thứ bảy đồng thời”, đến “đến khởi vị mới hàng phục”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy thì ở Địa thứ tám còn hiện hành, vì pháp không trí và quả mới trái với pháp chấp của Thức thứ bảy, hành tướng của sinh Không trí và quả đều là thô, không trái nhau.

**Luận:** “Năm Chuyển thức trước”, đến “chướng không hiện khởi”.

Thuật rằng: Trong Thập Địa, năm Chuyển thức trước hoặc là chưa chuyển y đắc Vô lậu trí, vì Thức thứ sáu thù thắng hơn Vô lậu đạo, thù thắng hơn thế lực do đó mà hàng phục đối với năm Chuyển thức trước, trị hai chướng năm Chuyển thức trước khiến cho không hiện khởi. Năm thức này đồng thời hoặc là Sở tri chướng, phần đoạn của các địa, vì có thể chướng địa. Thức thứ bảy đồng thời với kim cương mới đoạn, trong Thập Địa có chiết phục và có hiện khởi. Năm thức đồng thời hoặc là sở đoạn và năng đoạn của địa sau, trong địa trước cũng có thể chiết phục nó, vì hiện hành thô với chúng tử trái với đạo. Lại nữa, tám Địa trở đi, năm thức câu là tuy không được đối trị, nhưng do Thức thứ sáu đồng thời Vô lậu chiết phục cho nên khiến cho không hiện khởi, Địa thứ bảy

trở về trước thì cũng còn có thể hiện khởi. Thức thứ sáu cứ theo đây nên biết, cũng là các Địa đoạn, cũng có thể chế phục.

Hỏi: câu sinh phiền não Thập Địa không trừ, tại sao quyển 48 nói đoạn hai chương trong ba trụ?

**Luận:** “Tuy đối với Tu đạo”, đến “nghĩa của ba trụ đoạn”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích vấn nạn có hai phần, đây là phần thứ nhất. Như luận kia ghi: “Đối với cực hỷ trụ, chỗ có thô trọng trong tất cả nẻo ác và các phiền não phẩm thì đều vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não phẩm thượng và trung đều không hiện hành, trong vô gia hạnh, vô công dụng và vô tướng trụ, tất cả đều có thể chướng vô sinh pháp nhẫn, chỗ có thô trọng của các phiền não phẩm đều vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não đều không hiện tiền, trong Bồ-tát trụ mà thành mãn tối thượng. Nên biết tất cả tập khí và tùy miên của phiền não chướng ngại đều vĩnh viễn đoạn, nhập Như Lai trụ. Trong đó có ý nói Kim Cương tâm Vị cũng là Thành mãn Bồ-tát trụ nhiếp. Sở tri chướng thô trọng có ba thứ:

1. Tại bì (da), cực hỷ trụ đều vĩnh viễn đoạn.
2. Tại phu (da non), là vô gia hạnh, vô công dụng và vô tướng trụ đều vĩnh viễn đoạn.
3. Tại nhục (thịt), trong Như Lai trụ đều vĩnh viễn đoạn, đặc tất cả trí cực thanh tịnh trí.

Trong đây ý nói đã đoạn xứ, rộng như luận kia nói, cho nên luận này ghi: “Do đây cho nên nói”, tức là quyển 48 nói.

Hỏi: Nếu phiền não thô trọng không phải chủng tử của nó thì không phải chỉ có ba trụ và Sở tri chướng mà các Địa có thể đoạn, tại sao chỉ nói ba trụ đoạn?

**Luận:** “Tuy trong các trụ”, đến “do đó nói thiên về nó”.

Thuật rằng: Phần thứ hai giải thích vấn nạn. Vì ba kiếp phân đồng thành mãn vị; vì tâm Vô lậu quán sơ khởi, Vô gián và viên mãn khác nhau; vì hiện khởi ba chương phần nhiều, phần ít và toàn phần không có; vì tất cả phiền não phân biệt, câu sinh, vĩnh hại, bất hành và tất cánh ly; vì vô sinh pháp nhẫn thiếu tịnh, nhiều tịnh và cực tịnh khác nhau; vì mới xả dị sinh, phần đoạn và biến dịch có sai biệt; vì đối với tâm Vô lậu chưa đắc, Hữu tướng và vô tướng đầy đủ.

**Luận:** “Đoạn hai chương chủ tiệm và đốn là thế nào?”

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ hai đoạn hai chương chủng. Tiệm và đốn thế nào, là câu hỏi. Tuy đã nói đoạn, nhưng chỉ nói Bồ-tát mà chưa phân rõ Nhị thừa, chưa thuyết minh đốn và tiệm, cho nên đặt ra câu hỏi này.

**Luận:** “Thức thứ bảy đồng thời”, đến “không có thô và tế”.

Thuật rằng: Sở chương có dị biệt, đoạn cũng có đặc thù. Chương chủng trong đây không có thô và tế là có tám mươi một phẩm, cũng cùng với một loại phẩm thứ chín của Phi tướng nhiếp, như đoạn tà kiến của thiện không phải không có chín phẩm cho nên trở thành năng huân. Lại nữa, giải thích sở chương đã đồng đoạn không có trước sau gọi là không có thô tế, không phải chỗ nhiếp của chín Địa đều là một phẩm, như trước trong Thức thứ bảy đã giải thích rộng. Lại nữa, chỉ duyên với cảnh của cảnh bên trong Tự địa, cảnh không có thô tế, không có nhiều tự loại cho nên gọi là nhất phẩm, không phải trong ba cõi đều không có thô tế.

**Luận:** “Còn lại là sáu thức câu”, đến “ba cõi đốn đoạn”.

Thuật rằng: kiến đạo đoạn gọi là đốn, đây là nghĩa chính. Lại nữa, tuy ba tâm, nhưng chín Địa tổng hợp cho là hai phẩm, không đồng với chín phẩm của Tu đạo riêng đoạn, gọi đó là đốn. Quyển 59 có thuyết này. Đây là đối với kiến đạo đoạn sáu thức, là hiển năm thức này có phân biệt chương, đốn và tiệm này như quyển trước giải thích. Tu đoạn có hai thứ, nhưng trong văn này không có trước chế phục tu, sau đó mới nhập kiến. Nhất phẩm đoạn là thuyết minh đối với kiến, sau mới khởi tu, không nói siêu vượt đặc quả thứ hai và quả thứ ba của riêng Nhị thừa. Chỉ có luận Đối Pháp quyển 13 có văn này, nói rộng như luận Đối Pháp Sao. Giải thích sơ lược, trong đây ban đầu lấy tiệm đoạn của chín Địa, là dần dần đặc quả, đặc nhất lai quả là y theo Vị chí, quả Bất hoàn của nó cũng như thế, nhưng chắc chắn khởi Vô lậu đạo mới đặc quả.

Hỏi: Hữu nhập Tĩnh lự và Vô sắc để khởi đối trị đạo cũng có lỗi gì?

Đáp: Điều này cũng không phải như vậy, Quyển 53 ghi: “Bất hoàn là chỉ có năm Địa đối với cõi dục hữu đoạn đối trị, không nói Vô sắc hữu”. Lại nữa, đây là chỉ có siêu việt, không phải theo thứ tự. Thứ hai là ba cõi chín Địa hợp chung làm chín phẩm đoạn là chỉ có hàng dự lưu lợi căn, không phải các quả khác. Các quả khác không thể khởi tác nghiệp thù thắng vì còn bỏ sót phiền não. Trong kinh chỉ đoạn và kinh phân biệt ghi: “Sơ quả do gia hạnh tâm, có thể lấy ba cõi chín phẩm đồng làm nhất phẩm, hợp chung làm chín phẩm đoạn. Cứ theo siêu vượt quả Bất hoàn thừa nhận nương vào năm địa thì quả này cũng nương vào ba Vô sắc, điều này có lỗi gì? Nhưng gia hạnh tâm là cõi Sắc, tổng duyên ba cõi, cho nên Vô gián đạo có thể khởi các Địa trên của Vô sắc. Như bất hoàn đối với năm Địa có cõi dục đoạn đối trị, quả này cũng

đáng lẽ như thế, nên nói nghĩa lý này không trái nghịch. Nhưng không phải lấy đạo của cõi dưới có thể đoạn hoặc của cõi trên, do lực của ý lạc riêng khác cho nên đáng lẽ làm bốn câu, không như thế thì chỉ lấy năm Địa đắc quả thứ ba, Vô sắc đối với cõi dưới không có đoạn đối trị, lại còn không thừa nhận chín Vô gián đạo nhập Căn bản định đắc thứ tự quả thứ ba. Huống chi hàng dự lưu đắc bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc chứng siêu quả. Trong Tu đạo chưa đắc đoạn hoặc đạo của cõi dưới thì không thể khởi đoạn hoặc đạo của cõi trên, quán xem qua có thể như vậy, hiện tại y theo Tập luận quyển 13 ghi: “Đốn xuất ly là nhập để hiện quán, y theo Vị chí định mà phát xuất Thế gian đạo, đốn đoạn tất cả phiền não của ba cõi, đoạn các phẩm riêng biệt chỉ lập hai quả, cho nên y theo bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc, không đắc siêu vượt hai quả và đắc thứ tự quả thứ hai và Quả thứ ba. Lại nữa, lấy giải thích trước, văn của luận kia nói thì phần nhiều không thể đắc Căn bản định, không phải chắc chắn tất cả đều không đắc, không nói chỉ nương vào vị chí địa, không như thế thì thọ biến dịch sinh khởi Vô lậu, lẽ nào không thừa nhận đắc Tĩnh lự của cõi trên? Cho nên y theo Tứ Tĩnh lự của căn bản trên thì cũng được. Đây là lấy đạo của cõi dưới có thể đoạn hoặc của cõi trên do ý lạc riêng khác. Văn còn lại dễ hiểu.

**Luận:** “Sở tri chướng chủng”, đến “có rất nhiều”.

Thuật rằng: Nguyên nhân sáu thức đồng thời với Sở tri chướng, tiếm đoạn của các Địa không đồng, vì thông với duyên cảnh bên trong, cảnh bên ngoài, nội thân và ngoại thân đều có thể khởi. Lại nữa, trong cảnh kia mỗi mỗi đều thông với thô và tế, không giống như Thức thứ bảy chỉ duyên nội bên trong. Sáu thức trước thì thông với cảnh thô tế, Thức thứ bảy thì chỉ có tế cảnh, hành tướng của ba cõi chỉ có một loại, cho nên kim cương tâm đoạn, vì hành tướng trong sáu thức có chín phẩm, phẩm loại sai biệt có rất nhiều, cho nên các Địa phân ra phân biệt đoạn. Năm thức do Thức thứ sáu dẫn, cho nên thông với hai chướng, như hai chướng trước đã nói.

**Luận:** “Nhị thừa căn độn”, đến “hoặc tổng hoặc biệt”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba phân rõ đồng dị của ba Thừa và bốn đạo. Gia hạnh và thắng tấn của Nhị thừa có thể có khởi riêng biệt chín phẩm làm chín phẩm gia hạnh và thắng tấn, hoặc chỉ có một gia hạnh và một thắng tấn, cho nên chung và riêng của hai đạo gia hạnh và thắng tấn không quyết định. Đây là y theo dung dự thắng tấn đạo mà nói, không như thế thì càng trái với luận Đối Pháp quyển 9. Vô gián và giải thoát của nó chắc chắn mỗi mỗi đều khởi riêng, như khởi

Vô gián đạo đoạn một phẩm xong rồi thì khởi niệm giải thoát thứ hai. Niệm giải thoát thứ hai này không được mong phẩm thứ hai làm Vô gián đạo, vì phẩm thứ hai của nó phải khởi riêng Vô gián và giải thoát, vì độn căn cho nên cho đến chín phẩm cũng như thế, thứ tự và siêu việt cũng như thế, do có chín phẩm dần dần có thể đoạn. Gia hạnh và thắng tấn mỗi mỗi đều khởi riêng, hoặc trong một lần quán mà tùy đoạn vài phẩm, tức là tổng một gia hạnh và sau một thắng tấn, cho nên gia hạnh và thắng tấn hoặc là tổng hoặc là biệt. Hoặc chín phẩm tiệt đoạn xuất quán, hoặc không xuất quán đoạn chín phẩm thì Vô gián và giải thoát mỗi mỗi đều khó khởi riêng. Đây là nói Tu đạo, không phải trong kiến đạo có các sự như vậy. Vì căn độn đó tức là khi chứng Vô vi thì không được đoạn hoặc. Nếu trước hết thế đạo chế phục, sau đó khi nhập kiến đạo thì cũng chung một phẩm cùng với kiến đồng đoạn không thành đạo riêng.

**Luận:** “Bồ-tát lợi căn”, đến “đều được có đủ”.

Thuật rằng: Hoặc Bồ-tát lợi căn, như Vô gián của sơ phẩm đến Niệm thứ hai, tức là làm giải thoát; đây là Vô gián của sơ phẩm mong Niệm thứ hai tức là làm gia hạnh; đây là giải thoát đạo mong Tự phẩm thứ hai, tức là làm Vô gián; mong sơ phẩm làm giải thoát, mong phẩm sau làm gia hạnh, cho đến Vô gián đạo thứ ba mong thứ nhất làm thắng tấn và phẩm thứ hai làm giải thoát, tự phẩm là Vô gián cùng với thứ tư làm gia hạnh, Vô gián thứ hai mong đạo trước tức là không phải Thắng tấn đạo mà chỉ là giải thoát. Đây là trong mười địa vị của Bồ-tát khi đoạn Sở tri chướng phân ra phẩm loại và thứ tự đoạn pháp, hoặc riêng đoạn mỗi mỗi riêng khởi. Do có thể ẩn chứng và có thể đoạn hoặc, lại có thể dung dự, lại có thể ưa cầu, cho nên có đủ bốn Đạo, nếu không như thế thì lại càng không có bốn nghĩa đầy đủ. Luận Đối Pháp quyển 9 ghi: “Thắng tấn đạo là đoạn chỗ có gia hạnh, Vô gián và giải thoát đạo của các phẩm còn lại, gọi là Thắng tấn đạo”. Vì mong phẩm này là thắng tấn, tức là riêng mong có đạo trước. Lại nữa, nói: “Hoặc xả bỏ đoạn các pháp phiền não, gia hạnh, Tư duy, tức là riêng khởi hành tướng của thắng tấn”, tức là Nhị thừa, hoặc tổng thông với ba Thừa. Hiện tại luận này đã luận Nhị thừa thắng tấn hoặc biệt hoặc tổng, không ngăn trách chỗ có các đạo của phẩm sau là Thắng tấn đạo trước. Gia hạnh của nó thì không như vậy, vì hướng cầu, chỗ có Vô gián và giải thoát trước không phải gia hạnh sau. Lại nữa, hiện tại luận này phỏng theo riêng khởi hành tướng cho nên nói là chung và riêng, hoặc mong đạo sau phẩm này gọi là thắng tấn thì trong đây không nói. Nếu không như

thế thì không có gì mà không khởi thắng tấn và tổng thắng tấn. Rộng như luận đó và Biệt sao của nó giải thích. Bốn đạo này thông với ba Thừa, Nhị thừa Hữu học và Vô học, thông với Hữu lậu và Vô lậu, ngăn trách gia hạnh trí thông với Vô lậu, không ngăn trách gia hạnh đạo. Bồ-tát Kim cương tâm cũng có gia hạnh đạo, mặc tình gia hạnh không phải là gia hạnh trí, Phật chỉ có giải thoát đạo, là Thắng tấn đạo trước tự mong vô thắng tấn, có thắng tấn thì Phật đáng lẽ có hơn kém. Hữu lậu nhiếp bốn đạo thông với Thập Địa, hai cõi trên đều có. Cõi dục chỉ có gia hạnh và thắng tấn, Vô lậu bốn đạo trừ Hữu đánh ra đều thông với bốn đạo, cõi đó chỉ có thắng tấn. Giải thoát đạo loại gọi là giải thoát cũng có, không phải giải thoát kế sau Vô gián, cũng không thấy thừa nhận có gia hạnh đạo. Trung gian chút ít thù thắng có Vô gián không có lỗi. Hữu đánh ám muội thì gia hạnh không thành tựu. Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: “Đối với các hiện quán vị khi chứng đắc các phẩm đạo thù thắng tiếp theo sau thì xả bỏ chỗ đắc các phẩm đạo hạ liệt trước. Như khi chứng đạo mà quả này nhiếp thì liền xả bỏ đạo do hưởng này nhiếp, vì nó không hiện tiền trở lại. Như Bồ-tát tuy không nói hưởng và quả nhưng cũng được thù thắng, xả bỏ hạ liệt không hiện tiền, như đắc quả. Hiện tại phỏng theo văn này, tức là chuyển đồng nghĩa ba phẩm chủng tử mỗi mỗi đều riêng có, không dùng hạ phẩm lấy làm trung phẩm và thượng phẩm, tức là hạ phẩm thành trung hạ phẩm không khởi lại gọi là xả bỏ yếu kém.

**Luận:** “Mười Chân như”, đến “nhưng không tồn tại”.

Thuật rằng: Giải thích năng chứng đắc có bốn phần. Từ trên đến đây đã thuyết minh ba phần, từ đây xuống thuyết minh phần thứ tư sở chứng Chân như. Trong đó có bốn đoạn:

1. Tổng nói về Chân như.
2. Giải thích riêng.
3. Giải thích vấn nạn.
4. Phế và lập.

Chân như trong đây phỏng theo thuyết mà phân rõ thể, nếu không như thế thì lại như ban đầu Chân như không phải trước kia không khắp mà hôm nay mới khắp. Cũng không phải Chân như có thể nói là biến. Hoặc không phỏng theo thuyết mà nói biến thì đó là pháp gì? Là Biến hành như, Nhiếp luận quyển 7 trong Thập Địa nói. Bồ-tát Thế Thân giải thích rằng: “Pháp giới này khắp tất cả hành, vì không có ít pháp không phải Vô ngã”. Luận Vô Tánh ghi: “Đây là pháp không, không có ít pháp mà không phải Không”. Luận đó phỏng theo thuyết mà nói nhất



Vô ngã và nhất Không lý đều là không đủ, vì thể và dụng riêng khác. Hiện tại chỗ luận hai Không như của luận này là tổng quát các luận kia. Không có Nhất pháp thì không phải hai Không. Tân Trung Biên quyển 1 ghi: “Do thông đạt pháp này mà chứng đắc pháp tánh tự tha bình đẳng”. Cựu luận ghi: “Chứng đắc một phần, còn có Địa sau không gọi là đắc hoàn toàn”.

Hỏi: Nương theo luận mà sinh luận, thế nào gọi là chỗ đối trị hai hành tướng của hai Không?

Đáp: Chấp pháp có thể, chấp pháp có dụng, hai chỗ đối trị riêng khác. Có hành tướng của chủ thể và nhậm trì riêng khác, cho nên năng trị đạo cũng có riêng khác.

**Luận:** “Hai là tối thắng Chân như”, đến “rất là thù thắng”.

Thuật rằng: Do lìa phạm giới, chứng đức trang nghiêm của Chân như này. Thế Thân nói: “Trong tất cả pháp rất là thù thắng, hiện tại nêu ra thắng nhân, là đủ vô biên đức”. Tân Trung Biên ghi: “Do thông đạt pháp này mà khởi tư duy như vậy, do đó Ta nay đối với đồng xuất ly tất cả hành tướng nên tu trị khắp, đó là cần tu tương ứng xuất ly”. Cựu luận thì khó hiểu, cho nên không dẫn ra. Dưới đây là dẫn chỗ khác, đồng chỗ thì không nói.

**Luận:** “Ba là thắng lưu Chân như”, đến “cực kỳ thù thắng”.

Thuật rằng: Do đắc ba tuệ chiếu soi Đại thừa pháp, quán pháp giáo căn bản Chân như này, gọi là thắng lưu Chân như. Luận Vô Tánh ghi: “Do chỗ lưu giáo thù thắng cho nên xả thân mạng mà cầu thiện thuyết này”. Tân Trung Biên ghi: “Nếu có hoả khanh ba ngàn thế giới, vì cầu pháp này đem thân vào mà lấy, không cho là khó”. Ý đồng với Vô Tánh.

**Luận:** “Bốn là Vô Nhiếp thọ Chân như”, đến “chỗ y thủ”.

Thuật rằng: Thế Thân nói: “Trong đây không có kế chấp ngã sở, không có nhiếp ngã sở, như người Bắc châu không có hệ thuộc”. Luận Vô Tánh ghi: “Là pháp ái đoạn của các Khế kinh, cho nên không có kế chấp ngã sở, quán pháp này không phải tự và tha nhiếp”. Tân Trung Biên ghi: “Do thông đạt pháp này, cho đến pháp ái cũng đều đoạn diệt”. Lại nữa, giải thích các thuyết trong luận này, các luận kia đều không tận lý, đáng lẽ nói Chân như này không có hệ thuộc, không phải chỗ y thủ của ngã chấp, ngã ái, ngã mạn, vô minh, biên kiến, ngã sở kiến, nhưng nói ngã sở tức là tánh hẹp. Do duyên pháp ái không có, ngã kiến không nương vào Chân như để nắm thủ. Nói rằng Chân như chỉ làm cảnh cho nên gọi là ngã sở, ngoài ra các luận khác nói. Trong đây

chỉ nói ngã cảnh tục, Chân như không lìa cảnh đó, khi ngã chấp khởi thì cũng chấp thủ Chân như. Luận này nói Chân như không đối với cảnh kia mà khởi các ngã chấp, nhưng nói ngã kiến tức là không nhiếp sở, nhưng nói Ngã sở tức là không nhiếp kiến. Luận này nói ngã chấp thông với kiến và sở, trên căn cứ theo đây giải thích này.

**Luận:** “Năm là loại vô biệt Chân như”, đến “loại có khác nhau”.

Thuật rằng: Do sinh tử và Niết-bàn cả hai đều bình đẳng cho nên không có sai biệt. Nhiếp luận gọi là Tương tục vô biệt như. Thế Thân nói: “Trong Chân như này thể không khác nhau, không phải nhân... tùy theo các hữu tình tương tục sai biệt, mỗi mỗi đều có khác”, tức là Chân như bất đồng thì thân mỗi mỗi đều có khác. Tương tục tức là thân, cho nên tự tha Chân như thì không có khác. Luận Vô Tánh ghi: “Không giống như sự sai biệt tương tục của sắc”. Hoặc đồng với Thế Thân, hoặc đồng với luận này cũng được. Nói rằng chỉ có một vật, không giống như nhân... có khác loại, luận Trung Biên ghi: “Đây gọi là nghĩa tương tục Vô sai biệt, do thông đạt nghĩa này mà đắc mười ý lạc bình đẳng tịnh tâm.

**Luận:** “Sáu là Vô nhiễm tịnh Chân như”, đến “vì kia mới tịnh”.

Thuật rằng: Thế Thân thì đồng, Cựu luận Trung Biên ghi: “Nhân theo mười hai duyên sinh của Địa thứ sáu và nhân theo xứ quán nhân quả nhiễm tịnh của bốn Đế thì không có một pháp nào có thể nhiễm có thể tịnh”. Tân luận Trung Biên ghi: “Do thông đạt Chân như này mà biết pháp duyên khởi không có nhiễm không có tịnh, không phải là Chân như, do Chân như cho nên pháp không có nhiễm tịnh, gọi là Chân như là Vô nhiễm tịnh”. Luận này thì bàn về thể của Chân như, luận Trung Biên thì nhân theo thể của Chân như mà bàn về pháp, không phải trái nhau.

**Luận:** “Bảy là pháp vô biệt Chân như”, đến “nhưng không có khác”.

Thuật rằng: Do lìa tế tướng hiện hành của sinh diệt, tuy nhiều giáo an lập Chân như nhưng không khác nhau. Thế Thân thì đồng, nói rằng giáo an lập làm Thắng nghĩa pháp giới thiện và Bất thiện, pháp này không có khác biệt. Tân luận Trung Biên ghi: “Do thông đạt Chân như này mà biết pháp vô tướng, trong chủng chủng pháp tướng của bất hành Khế kinh”. Luận này thì nương giáo mà bàn Chân như không khác, luận kia thì nương vào Chân như mà bàn giáo không khác, lẫn nhau thêu dệt một bên cũng không trái nhau. Do thông đạt Chân như này tức là Không phương tiện trí, thù thắng hạnh phát khởi trong hữu.

**Luận:** “Tám là bất tăng giảm Chân như”, đến “đều tự tại”.

Thuật rằng: Luận Vô Tánh ghi: “Nói rằng ngoài pháp không có dụng cho nên bất tăng, các pháp không hoại cho nên bất giảm”. Đây là lia chỗ chấp tăng của Biên Kế và giải thích hai tánh giảm còn lại. Lại nữa:

1. Giải thích cũng với Thế Thân đồng. Nói rằng khi pháp nhiễm giảm mà không có giảm, khi tịnh pháp tăng mà không có tăng, tức là đoạn nhiễm cũng không giảm, đặc tịnh cũng bất tăng. Hiện tại luận này lại khác, lia chấp tăng giảm. Tân luận Trung Biên ghi: “Do thông đạt lý này mà chứng đắc vô sanh pháp nhẫn, trong các thanh tịnh phẩm và tạp nhiễm phẩm không thấy có một pháp nào có giảm hay tăng, tức là y theo Chân như mà nói pháp không có tăng giảm.

2. Tự tại y, như trước đã giải thích, như vẫn có thể hiểu. Nhưng luận Vô Tánh ghi: “Trong các Địa trước tuy cũng đắc Vô Sai biệt trụ này, nhưng sau khi tạo tác công dụng mới được thành, trong địa này có thể không có công dụng, tùy theo dụng thì thành ngay, cho nên gọi là tự tại”.

Tân luận Trung Biên ghi: “Có bốn tự tại: một, danh vô phân biệt tự tại; hai, tịnh độ tự tại; ba, trí tự tại; bốn, nghiệp tự tại”. Trong Địa thứ tám chỉ có thông đạt, Tự tại thứ nhất và thứ hai gọi là vô tăng giảm sai biệt Chân như, tướng tự tại đó gọi là vô phân biệt. Như Sơ giải của luận đó.

**Luận:** “Chín là trí tự tại”, đến “vì đắc tự tại”.

Thuật rằng: Luận Trung Biên ghi: “Trí tự tại viên mãn chứng đắc Vô ngại giải”. Giải thích của các luận khác đồng nhau.

Hỏi: Địa này đã đắc trí tự tại, tại sao Thập Địa của mười độ tu trí?

Đáp: Luận Vô Tánh ghi: “Trong các Địa đắc chỗ y chỉ của vô ngại biện, đắc từng phần trí Ba-la-mật-đa, đối với tất cả pháp không tùy theo lời nói đó, khéo có thể biết rõ nghĩa của các ý thú, như thật thành tựu tất cả hữu tình thọ thắng pháp lạc, không phải cho là hoàn toàn đắc trí Ba-la-mật.

**Luận:** “Mười là nghiệp tự tại đẳng sở y Chân như”, đến “đều là tự tại”.

Thuật rằng: nghiệp tức là ba thứ tự tại, thần thông, Đà-ra-ni và Tam-ma-địa. Nghiệp tức là thân... ba nghiệp. Luận Trung Biên ghi: “Tùy theo dục mà biến hóa thành các sự lợi lạc của hữu tình”. Trong tổng trì có hai thứ là trì văn và trì nghĩa. Trì nghĩa và trì văn của tất cả

pháp, là năng trì và năng đoạn của Đẳng chí. Tùy sở dục hư không tạng mà có thể hiện tiền, đây là giải thích của Vô tánh, nghĩa khác thì đồng với luận này.

**Luận:** “Tuy Chân như tánh”, đến “giả lập mười thứ”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ ba về vấn nạn. Nhất vị của Chân như thế nào được phân làm mười thứ? Chân như thật ra không có riêng khác, tùy chỗ chứng, chỗ sinh và năng thắng đức của nó mà giả lập mười thứ.

**Luận:** “Tuy trong Sơ địa”, đến “kiến lập các Địa sau”.

Thuật rằng: Đây là phần bốn phế lập. Trong Sơ địa đối với mười Chân như, không phải không đều là thông đạt, vì chưa viên mãn cho nên kiến lập sau, do đó lập ra mười thứ, vì hạnh và vị có mười thứ, tên là viên mãn Chân như, cho đến Như Lai thập chủng đều có thể hiểu rõ. Như luận Trung Biên giải thích phân biệt rộng.

Ngay trong giải thích bản tụng, phần đầu thì sơ lược, phần sau thì nói rộng. Ngay trong phần nói rộng có hai đoạn:

1. Thuyết minh nhân chứng đắc.
2. Thuyết minh sở chứng đắc.

Từ trên đến đây tuy có bốn đoạn không đồng, là Thập địa, Thập thắng hạnh, mười chướng và mười Chân như đã nói xong. Tóm lại là phần thứ nhất thuyết minh Chứng đắc nhân, từ đây xuống là phần thứ hai thuyết minh sở chứng quả, trong đây có hai phần:

1. Đoạn văn trước dẫn sinh luận sau.
2. Chánh giải thích chỗ chứng đắc quả.

**Luận:** “Như vậy Bồ-tát”, đến “liền có thể chứng đắc”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ nhất. Phát khởi chỗ chứng hai quả Chuyển y của cõi dưới. Hai Chuyển y, là Bồ-đề và Niết-bàn. Ngay trong chánh thuyết minh sở chứng có hai phần:

1. Phỏng theo vị mà phân rõ chứng.
2. Chánh thuyết minh Chuyển y.

Trong phần thứ nhất có ba đoạn:

1. Nêu chung.
2. Giải thích riêng.
3. Liệt giản (giải thích).

**Luận:** “Chuyển y vị riêng sơ lược có sáu thứ”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ nhất nêu chung sở chứng vị. Trong đây tư lương vị nói trước hết. Sơ lược khai mở năm vị, Địa tiền làm hai vị, Thập địa làm hai vị, Như Lai làm một vị. Dưới đây sẽ biết.

**Luận:** “Một là tổn lực ích năng chuyển”, đến “cũng gọi là chuyển”.

Thuật rằng: Vị thứ nhất và thứ hai, là vị thứ nhất và thứ hai tại Địa tiền, vị này chiết phục dần dần cũng gọi là chuyển. Là nhân của chuyển cho nên có thể chế phục chuyển. Thật ra chứng đắc vị gọi là thông đạt vị và tu tập vị, cho nên vị này không phải chân. Vô tánh Nhiếp luận quyển 9 của Thế Thân ghi: “Có thắng giải, là Thắng giải hạnh Địa”, cho nên hai vị đầu cùng với tâm quý tức là trong hai vị. Thế Thân giải thích: “Có giải đãi và tâm quý, do đó khiến cho các phiền não hiện hành phần ít, hoặc không hiện hành. Phiền não hiện hành tức là giải đãi và tâm quý thâm sâu, giải đãi và tâm quý là thắng tướng của Thắng giải hạnh. Luận này lại giải thích: “Do Tập thắng giải là sơ vị. Sơ vị tăng trưởng tin Duy thức cho nên gọi là thắng giải, chưa hàng phục được Duy thức tướng, Vị thứ hai có thể hàng phục được Duy thức tướng, ít hàng phục phiền não”. Gọi là có tâm và quý, như trong hai vị trước đã giải thích. Lại nữa, thắng giải là thắng giải tâm sở, vì được quyết định. Tín tâm sở ban đầu tăng, lâu sau không tăng, do tâm quý cho nên tôn sùng thiện chống cự ác, có hai thắng đức đều thông với hai vị cho nên làm thể năng chuyển. Điều này cùng với Nhiếp luận không đồng, không thể căn cứ theo một luận. Văn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Hai là thông đạt chuyển”, đến “chân thật Chuyển y”.

Thuật rằng: Tức là thông đạt vị, trong kiến đạo đã chứng một phần Chuyển y, vì chưa viên mãn.

**Luận:** “Ba là tu tập chuyển”, đến “chân thật Chuyển y”.

Thuật rằng: Là trong Thập Địa, tức là trừ kiến đạo của Sơ địa, còn lại Sơ địa và chín Địa, tức là Tu đạo trong Thập Địa.

**Luận:** “Trong Đại thừa”, đến “hiện hành và không hiện hành”.

Thuật rằng: Vì Hữu tướng và vô tướng quán thông đạt chân và tục xen tạp hiện tiền, hoặc chân thì hiện, Phi chân thì không hiện. Nói rằng khi nhập quán, hoặc Phi chân hiện, chân không hiện. Nói rằng khi xuất quán thì khiến cho chân và phi hiện hoặc không hiện. Lại cũng chưa có thể tức là Không mà quán đối với hữu, Hữu tướng quán hiện thì Chân không hiện, vô tướng quán hiện thì Phi chân không hiện. Do lý này cho nên nói thông đạt chuyển ở trước Địa thứ sáu. Hiện tại luận này phỏng theo ban đầu thông đạt mà phân riêng hai Chương đi khắp Chân như cho nên nói Sơ địa là thông đạt chuyển. Thế Thân Nhiếp luận ghi: “Sáu Địa trước, Chân như làm nhân của Chân quán và Tục quán hiện hoặc không hiện”, cho nên nói Thông đạt chuyển ở trước Địa thứ sáu.

**Luận:** “Nói tu tập chuyển”, đến “vì không hiển hiện”.

Thuật rằng: Nhiếp luận lại ghi: “Tu tập chuyển ở sau Địa thứ tư, do thuần vô tướng quán thời gian dài hiện tiền, dừng mãnh tu tập đoạn các thô trọng khác. Phần nhiều là khiến cho Phi chân không hiển hiện”. Quyển 48 ghi: “Do Địa thứ bảy cũng còn gọi là tạp phiền não, chưa gọi là Bất tạp phiền não, Phi chân cũng còn có khi hiện, chỉ có vô tướng quán là thời gian lâu dài”. Nói phần nhiều là khiến cho Phi chân không hiện, là không phải Phi chân có khi hiện trong Địa thứ tám, thứ chín và thứ mười. Đắc vô tướng quán thời gian lâu dài thì chủng loại đồng. Nói sau Địa thứ tư làm Tu tập chuyển, ngã vì Thập Địa đoạn hai chướng câu sinh thô trọng mà dần dần chứng Chân như nghĩa. Nói Tu tập chuyển trong Thập Địa cũng không trái nghịch. Nhưng trong luận này thì nói phần nhiều khiến cho Phi chân không hiện, là lựa riêng với Địa thứ bảy. Hai Nhiếp luận giải thích đều nói chỉ có chân thật hiện, Phi chân không hiện, đó là từ thời gian lâu dài mà nói. Nhưng Nhiếp luận thì vốn thông đắc hai giải thoát, không nói rằng Phi chân quyết định không hiện.

**Luận:** “Bốn là quả Viên mãn chuyển”, đến “lợi lạc vô tận”.

Thuật rằng: Chuyển thứ tư có thể hiểu, luận kia và luận này đồng.

**Luận:** “Năm là hạ liệt chuyển”, đến “gọi là hạ liệt chuyển”.

Thuật rằng: Chuyển thứ năm cũng đồng. Thông với hữu học và Vô học:

1. Chỉ có tự lợi.
2. Có ưa và chán.
3. Chỉ có đạt sanh không.
4. Chỉ có đoạn phiền não.
5. Chỉ có chứng Chân trạch diệt.
6. Vô Thắng khả năng kham nhận.

Chân trạch diệt là Chân như, do Tuệ trạch mà đắc diệt này. Vô Thắng khả năng kham nhận là không có Tất cả trí.

**Luận:** “Sáu là quảng đại chuyển”, đến “gọi là quảng đại chuyển”.

Thuật rằng: Nhiếp Đại thừa ghi: “Tức là các hàng Bồ-tát có thể thú hưởng chứng chuyển”. Như Lai đã chuyển, cho nên luận đó không nói. Chuyển thứ sáu này trái ngược với Chuyển thứ năm trên, căn cứ theo chuyển thứ năm thì hiểu rõ. Sinh tử và Niết-bàn không có ưa và chán, đại bi và Bát-nhã phát khởi rộng, có đủ Tất cả trí gọi là có thắng khả năng kham nhận.

**Luận:** “Trong đây ý nói”, đến “mà chứng đắc”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ ba liệu giản. Sở thủ Chuyển y thể là chỉ có quảng đại chuyển, do xả hai thô trọng mà chứng đắc. Không nói Viên mãn chuyển là vì viên mãn chuyển đối với Bồ-đề mà nói, quảng đại chuyển thì đối với Nhị thừa mà nói. Lại nữa, Viên mãn chuyển chỉ có Như Lai, quảng đại chuyển thì ở tại Bồ-tát. Hiện tại luận này thuyết minh Thập Địa nắm lấy quảng đại chuyển, cần phải trong các Địa hai thô trọng mới được chứng đắc. Lại nữa, trong giải thích đã nói nắm lấy quảng đại chuyển để thuyết minh Viên mãn chuyển cũng ở tại trong đó. Vì lược đưa ra một góc, tức là trong Chuyển y thứ nhất sáu Chuyển y giả lập chuyển, vì chưa đắc chân; còn lại năm Chuyển y thì chân, gọi là chuyển, là chân thật chứng đắc. Đoạn thứ nhất là phỏng theo Vị mà giải thích Chuyển y đã nói xong. Đoạn thứ hai sau là chánh giải thích Chuyển y, trong đó có phần:

1. Giải thích chung Chuyển y.

2. Tuy nghĩa của Chuyển y tổng có bốn thứ, nhưng hiện tại chỉ lấy hai sở chuyển đắc, chữ “đẳng” là lựa riêng các câu nói về Chuyển y của bài tụng.

3. Phân rõ Tu tập vị này có thể chứng, không phải là đã chứng.

**Luận:** “Nghĩa của Chuyển y lược nói riêng có bốn thứ”.

Thuật rằng: Phần thứ nhất giải thích chung Chuyển y, gọi là sở mục nghĩa (chỗ phân nghĩa), phần đầu là nêu chung, phần sau là giải thích riêng. Đây là phần đầu.

**Luận:** “Một là năng chuyển đạo”, đến “tiệm phục và đốn phục kia”.

Thuật rằng: Dưới đây là Giải thích riêng, làm bốn phần, năng phục đạo thông với Hữu lậu và Vô lậu, trong ba trí thì thông với gia hạnh, căn bản, ba thứ Hậu đắc trí và sáu hạnh của Hữu lậu đạo. Vô lậu thì giống như nhân, trí vô phân biệt của Địa thứ ba đoạn định pháp ái đồng thời thế lực của Sở tri chướng, khiến cho phiền não cũng không hiện hành gọi là phục phiền não chướng. Không phải riêng khởi đạo gọi là phục phiền não, Sở tri chướng thì cũng có thể biết. Lại nữa, như lìa dục của Đệ ba Tĩnh lự, hàng phục Hoặc của Tứ định trở lên để nhập diệt định, tức là lấy Hậu đắc trí hàng phục hai chướng. Hoặc gia hạnh đạo thì có thể tiệm phục, căn bản và Hậu đắc trí thì đốn phục. Hoặc căn bản và Hậu đắc trí cũng có thể tiệm phục, vì Vô gia hạnh đạo thì có thể đốn phục.

Hỏi: gia hạnh trí thông với Vô lậu hay không?

Đáp: Không thông. Vô gia hạnh trí của Địa thứ tám trở lên cũng

không có tâm Hữu lậu.

Hỏi: Nếu như thế thì luận Đối Pháp quyển 10 nói thế nào thông với Kim cương tâm có hai thứ, một là gia hạnh đạo nhiếp, hai là Vô gián đạo nhiếp?

Đáp: Điều đó không trái, vì tâm Vô lậu thú hưởng nhập căn bản trí, như trước đã nói, gọi là gia hạnh đạo không phải là gia hạnh trí. Gia hạnh trí thì có thú hưởng cầu căn bản trí kia, chỉ là gia hạnh đạo trước nhưng không phải thú cầu, cho nên gia hạnh trí không thông với Vô lậu. Hoặc luận Đối Pháp căn cứ theo Nhị thừa, nói chung Kim cương tâm có hai thứ, không phải là trong Kim cương tâm Bồ-tát có gia hạnh đạo, cho nên gia hạnh trí không thông với Vô lậu, hoặc nói cũng thông với Vô lậu. Địa thứ tám không có, là không có Hữu lậu gia hạnh trí riêng thâm sâu thú cầu, vì Địa thứ tám trở đi có mặc tình thú cầu. Hiện tại luận này ban đầu nói gia hạnh chỉ có Hữu lậu, như luận Đối Pháp nói Kim cương tâm có gia hạnh đạo, không lựa riêng với Bồ-tát.

**Luận:** “Hai là năng đoạn đạo”, đến “vì chưa thành biện”.

Thuật rằng: Vì gia hạnh trí của tâm Hữu lậu và Hậu đắc trí của Hữu lậu.

1. Đã từng tập quen.
2. Chỗ dẫn của tướng chấp.
3. Chưa thể phục diệt hết tướng này, cho nên không thể đoạn hoặc.

4. Hoặc gia hạnh trí là có thể thú cầu sở chứng Chân như, thú cầu sở dẫn trí vô phân biệt, vì năng chứng và sở chứng Chân như được phân thành rõ ràng, vì có thể đoạn hai chướng thì không phải là gia hạnh trí.

Hỏi: Nếu gia hạnh trí không thông với Vô lậu thì nói tâm Hữu lậu đã nhiếp gia hạnh thì nói gia hạnh lại cần gì nữa? Nếu nói gia hạnh trí thông với Vô lậu thì không cần tạo ra hỏi đáp này để phân biệt?

Đáp: Vì gia hạnh trí trong ba trí cũng là vô phân biệt. Hữu lậu đạo này cũng có gia hạnh, Vô gián và giải thoát, trước đã nói Hữu lậu nhiếp ba Đạo đó, sau đây nói gia hạnh là để lựa riêng với căn bản trí và Hậu đắc trí khác nhau trong ba trí, cho nên lại nói thêm nữa. Từ đây trở xuống là thuyết minh tâm Vô lậu của nó và căn bản Hậu đắc trí.

**Luận:** “Có nghĩa hậu đắc”, đến “mê sự tùy miên”.

Thuật rằng: Hậu đắc không có lực để có thể đoạn kiến của mê lý và tùy miên của nghi, mà đối với tướng An lập đế và tướng Phi an lập đế hiện tiền rõ ràng không có chứng điên đảo, cũng có thể vĩnh viễn đoạn mê sự tùy miên, hành tướng của mê lý tùy miên thì sâu xa, phải



chứng lý đó mới có thể đoạn nó. Mê sự tùy miên thì hành tướng thiện cận, nhưng thật ra thì Hữu tướng quán cũng có thể đoạn.

**Luận:** “Cho nên Du-già nói”, đến “tướng chấp dẫn”.

Thuật rằng: Quyển 55 ghi: “Trong Tu đạo vị có hai thứ đạo, thứ nhất là trí vô phân biệt, thứ hai là Hậu đắc trí”. Hậu đắc trí gọi là thế và xuất thế, như tâm sở trước giải thích tên này, vì Hữu lậu Đạo là thuần thế gian, không thuần Thế gian đạo thì có thể vĩnh viễn hại tùy miên, vì có hai nhân, như văn có thể hiểu.

**Luận:** “Do lý thú này”, đến “đều có thể chánh đoạn”.

Thuật rằng: Sở đoạn của các kiến tuy có mê sự phần... mười pháp, vì Kiến đoạn đốn đoạn. Tùy miên của mê sự tùy theo lý quán một phẩm thì đoạn mê sự này, cùng với vô minh do Tu đoạn và hai kiến, cùng với mê sự này đồng thời với căn bản và mê lý tùy miên, là trí vô phân biệt đoạn. Ngoài ra có tham khuể mạn, vô minh và mê lý này tùy theo hoặc mà mê sự, là Hậu đắc trí cũng có thể đoạn, vì hành tướng thiện cận.

Hỏi: Thế nào cũng là căn bản đoạn và Hậu đắc đoạn không trái với lý?

Đáp: Đây là chỉ có Nhị thừa mà không phải Bồ-tát, vì Tu đạo của Bồ-tát không đoạn mê sự tùy miên, tức là chỉ có Sở tri chướng là căn bản trí đoạn. Trong phiền não chướng thông với hai trí đoạn. Nhưng làm mê lý thân kiến và biên kiến, khi mỗi thứ đều đối với Tự địa phẩm đạo thứ chín mới đốn đoạn, nhưng trước phẩm thứ tám đã đoạn trước các phiền não còn lại, có thể khởi Hậu đắc trí để đoạn, khi phẩm thứ chín khởi trí vô phân biệt đoạn, vì mê lý hoặc. Đây là phỏng theo chín phẩm riêng Vô gián đạo đoạn. Nếu không, khi xuất quán thì đoạn chín phẩm, chỉ có trí vô phân biệt đoạn mê sự phiền não trong phẩm thứ tám, không thể trong một lần quán đạo thì phẩm thứ tám trước là Hậu đắc trí, phẩm thứ chín là căn bản trí, tức là ngã kiến câu sinh trong Thức thứ sáu thì phải phẩm đạo thứ chín mới đoạn. Tuy không có phẩm số nhưng không giống như Thức thứ bảy do Kim cương tâm đoạn.

Hỏi: Kim cương kia mới đoạn thì có hại gì?

Đáp: Tức là có bậc Thánh hữu học và Vô học của cõi Sắc và cõi Vô sắc, khởi Vô lậu đạo tức là đoạn chủng tử phiền não ngã kiến của cõi và Địa dưới. Nếu thừa nhận như thế thì Thánh nhân bất hoàn đáng lẽ lấy hiện hành nhuận sinh làm hại, vì đã thừa nhận chủng tử của bậc thánh bất hoàn nhuận sinh. Trước khi lìa dục của Địa cõi dưới thì thân kiến của nó đều phải đoạn xong, không đồng với không nhuận sinh của Thức thứ bảy. Do đây đáng lẽ làm bốn câu :

1. Có y theo Địa cõi dưới đoạn tùy miên cõi trên, nếu như cõi Địa dưới đặc Thánh thì đoạn tất cả tùy miên trong chủng thức của cõi trên.

2. Có ở tại Địa trên đoạn tùy miên cõi dưới, như ở tại Địa trên nắm lấy Vô học quả, đoạn chủng tử phiền não trong Thức thứ bảy của Địa cõi dưới. Luận Du-già ghi: “Phải Kim cương tâm thì chủng tử kia mới đoạn.

3. Câu thứ ba có thể biết.

4. Câu thứ tư thì trừ ba tướng trên, hoặc nói rằng đoạn Sở tri chướng, không thể nói đoạn Địa trên Địa dưới và Tự địa tha địa.

Những phỏng theo duyên phược và tương ứng phược cho nên có thể nói địa đoạn, đây là Địa dưới đoạn Địa trên, Địa trên đoạn Địa dưới. Đối với năm thức trước, Thức thứ sáu và Thức thứ bảy đều không thể ngăn trách, vì không trái với lý, không phải nhuận sinh, không phải phược pháp. Lại nữa, giải thích dùng Hậu đặc trí để đoạn thì Bồ-tát cũng có thể được, Thập Địa thì đoạn hữu chấp và phi chấp trong Sở tri chướng. Phi chấp cũng gọi là mê sự, cho nên cũng thừa nhận là đoạn, vì chướng trí. Tuy chưa đoạn kiên chấp gốc thì cái nào hại đoạn trước? Như phiền não chướng câu sinh, là lấy ngã kiến làm đầu, trước khi đoạn thì chưa có thể đoạn gốc. Mê sự trước cũng có thể đoạn, đoạn Sở tri chướng loại đáng lẽ cũng như thế. Những thứ phân biệt này tuyệt diệu xưa nay, đối với các luận sư thì thật ra là chưa nghe, tức là Thức thứ sáu và Thức thứ bảy của hai chướng mỗi mỗi hợp là thành bốn câu.

Hỏi: Hữu lậu đã từng tập quen, chưa dứt bật tướng, cho nên không thể đoạn tùy miên. Hậu đặc cũng có tướng, như thế nào đoạn tùy miên? Lại nữa, hai trí này mỗi mỗi đều có tướng, thế nào hai trí này khác nhau?

Đáp: Hậu đặc tuy có tướng, nhưng không phải chấp sở dẫn, không phải phược sở duyên. Lại nữa, không phải đã từng đặc, khi nắm lấy cảnh tướng thì phân minh thân chứng, Hữu lậu không phải như thế, cho nên không thể đoạn, như chỗ chứng năm Thông của bậc Thánh và dị sinh cũng có khác, tịnh và bất tịnh, minh và bất minh mỗi mỗi đều có khác. Do các lý như vậy cũng tức là hai trí Sai biệt kia.

**Luận:** “Hai sở Chuyển y”, đến “cho nên ở đây không nói”.

Thuật rằng: Trước đã nói Y tha gọi chung là Chuyển y, bây giờ nắm lấy trì chủng cho nên chỉ có Thức thứ tám.

**Luận:** “Hai mê ngộ y”, đến “cho nên ở đây không nói”.

Thuật rằng: Tánh Y tha khởi tuy cũng là y này nhưng không phải căn bản, cho nên trong đây không nói. Nhưng luận Vô Tánh và hai

Nhiếp luận chỉ lấy A-lại-da làm Chuyển y. Luận Đối Pháp quyển 11 nói Chuyển y có ba thứ:

1. Tâm chuyển tức là Chân như.
2. Đạo chuyển tức là năng chuyển đạo trước.
3. Thân trọng tức là A-lại-da.

Chuyển y này lược có hai thứ, thể rộng Nhiếp luận, vì luận đó không có Chân như, hẹp đối với luận Đối Pháp vì không có đạo kia. Nhưng đạo thì trong năng chuyển đạo này, cũng không hẹp đối với nó, vẫn còn lại có thể biết. Thể trong trì chủng y chỉ có tại Nhị thừa và Đại thừa hữu học vị chỉ có Hữu lậu, nếu gồm cả Phật thuyết thì thông với Vô lậu. Đây là chỉ phỏng theo hiện hành, vì chủng tử thức không thể trì chủng, lại cũng là trong sở khí xả nhiếp.

**Luận:** “Ba là sở chuyển xả”, đến “vọng chấp ngã pháp”.

Thuật rằng: Nói rằng chủng tử của hai chương, đây là nêu ra thể, xả tại lúc nào? Chân Vô gián đạo hiện tại vị trước. Nói Chân có hai nghĩa:

1. Lựa riêng với Hữu lậu, không thể đoạn chủng tử.
2. Lựa riêng với tướng và kiến đạo của Hậu đắc trí.

Chương và đối trị trái nhau, như minh và ám, nói đó là xả. Đây là trong nhiếp xả tánh Y tha khởi, do Y tha chủng đoạn không thể sinh lại nữa, tâm vọng chấp hiện hành thì Ngã pháp hiện hành, do vọng chấp này đoạn cho nên nói hiện hành và chủng tử nương vào tha để đoạn thì Y tha đã đoạn xong.

**Luận:** “Sở chấp ngã pháp”, đến “Biến kế sở chấp”.

Thuật rằng: Tự tánh của thật ngã và thật pháp vốn không có, chỉ đối với vọng tình mà vọng tợ có, vọng tình này đoạn thì không có cảnh đối với tâm, giả thuyết cảnh này cũng gọi là đoạn, do đạo lý này mà gọi là xả sở chấp, chứ Hữu xứ nói đoạn Biến kế sở chấp, chính là nghĩa này. Nhưng trong ba tánh đều có nghĩa xả:

1. Biến kế sở chấp, như chỗ nói này không đối với tình mà gọi là xả.
2. Hữu lậu Y tha, xả này có hai thứ:
  - a. Chương pháp, như trong đây nói chương và trị trái nhau gọi là xả.
  - b. Phi chương pháp, trong sở khí xả của cõi dưới nhiếp.
3. Viên thành thật, xả này có hai thứ:
  - a. Liệt pháp cũng trong sở khí xả nhiếp.
  - b. Thắng pháp thì chỉ có đây là không xả.

Cho nên tổng nói ba tánh đều có nghĩa xả.

**Luận:** “Hai sở khí xả”, đến “đều khí xả vĩnh viễn”.

Thuật rằng: Nói rằng Hữu lậu còn lại, tức là hai chướng dư thừa, là Hữu lậu thiện, ba pháp Vô ký toàn đủ và Dị thực sinh phần ít, trừ ra một phần pháp chấp. Liệt Vô lậu chủng, tức là chỗ sinh hiện hành trong Thập Địa và hạ phẩm chủng trong chủng loại này, do Kim cương đạo chuyển. Cực viên, khác với sở y chưa viên mãn của Bồ-tát. Cực minh, là hành tướng phân minh, khác với trí trước của Bồ-tát, vì trí đó bất minh. Hoặc cực viên là lựa riêng với tất cả hữu học; cực minh là lựa riêng với Nhị thừa vô học. Bản thức thuần tịnh, tịnh là Vô lậu, thuần là không tạp, không giống như Thức thứ bảy của nhân vị khéo tịnh mà không thuần; bản thức thì thuần nhưng không tịnh; Thức thứ tám thì Vô lậu tương tục cho nên gọi là thuần tịnh. Thức hiện hành này, không phải các Hữu lậu yếu kém khác và Vô lậu chủng nương, cho nên đều là vĩnh viễn khí xả.

**Luận:** “Chủng tử kia đã xả”, đến “liệt pháp của sinh tử”.

Thuật rằng: chủng tử này đã xả hiện hành rồi thì pháp kia cũng vĩnh viễn không sinh. Do đạo lý này gọi là xả sinh tử pháp và liệt pháp, đây là nói tổng quát, không lựa riêng với niệm năng xả nào. Đây là đồng với luận Đối Pháp quyển 14 nói đặc thắng Vô lậu cũng xả liệt pháp. Như khi đặc quả thì xả đối với hương, như trước đã nói. Đã nói còn lại pháp Hữu lậu và liệt Vô lậu là Kim cương tâm xả, là hai pháp này xả trước hay là hai pháp này đồng xả?

**Luận:** “Có nghĩa sở dư”, đến “đồng thời xả”.

Thuật rằng: Sư thứ nhất thì cho là xả trước, cùng với hai chướng chủng đồng thời xả, do có hai thứ hữu dư Hữu lậu và liệt Vô lậu, chủng đã mất rồi thì các pháp Hữu lậu và liệt Vô lậu khác như thế nào tồn tại? Lại nữa, chủng tử sinh hiện hành, đã đồng thời sinh, chủng tử đã tùy theo chướng đã diệt mất thì hiện hành làm sao mà còn? Lại nữa, quả ba nẻo ác và Hoặc nghiệp đồng thời mất, tại sao các pháp Hữu lậu khác không tùy theo hoặc mà đồng thời xả? Hữu lậu đã xả trước, và liệt Vô lậu cũng nên như thế. Do lý này, Kim cương đạo sinh thì các Hữu lậu đều diệt, như minh và ám không đồng thời sinh. Sư này có ý nói, trong Kim cương tâm đã đặc cảnh trí, vẫn chưa gọi là Phật, chưa khởi giải thoát đạo để chứng diệt. Các Vô lậu mới khởi thì lân cận với Hữu lậu, chưa gọi là Phật, như kiến đạo xả nhân quả đồng thời của nẻo ác, ý của sư này nói Vô gián đạo thô trọng sinh thì xả, giải thoát đạo sinh thì chỉ để chứng diệt.

**Luận:** “Có nghĩa lúc bấy giờ”, đến “đáng lẽ vô dụng”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói, Kim cương tâm sinh thì cũng chưa xả Hữu lậu kia, cũng còn Hữu lậu và Vô gián đạo khác, không trái nhau. Thô trọng ngược với Chuyển y, lẽ nào ngược với Vô gián đạo? Lại nữa, Kim cương tâm tức là liệt Vô lậu, tại sao vị này liệt Vô lậu đã không có? Lại nữa, nếu vị này Hữu lậu kia đã xả thì Bồ-tát đáng lẽ không có các pháp sinh tử? Sinh tử pháp là pháp Hữu lậu, ai nói Bồ-tát không có sinh tử pháp? Sinh tử pháp không có thì cái gì gọi là Bồ-tát? Lại nữa, không có Hữu lậu thì đáng lẽ không có thức sở huân, tức là trụ Vô gián đạo thì đáng lẽ gọi là Phật, hoặc vị này đã gọi là Phật thì giải thoát đạo sinh đáng lẽ không có dụng. Giải thoát đạo sinh thì chứng cực thù thắng Chuyển y viên mãn, vì không có thức sở huân, không có sinh tử pháp, không có liệt Vô lậu, có thể đoạn thô trọng và riêng Vô gián đạo - như trước đã luận - cho nên Vô gián đạo không phải Phật, giải thoát đạo gọi là Phật. Ông nay Kim cương tâm đã có sự đó thì dùng giải thoát đạo để làm gì? Tiếp theo giải thích lý của sư trước rằng: “Hoặc do hai chương chủng có các Hữu lậu khác, cho nên Nhị thừa và Bồ-tát không phải Vô lậu viên mãn, cho nên biết chương chủng là có”. Hiện tại là vấn nạn: “Đáng lẽ do Vô lậu chưa mãn túc, Hữu lậu còn tồn tại cho nên không gọi là Phật. Vô gián đạo vị này đã không có Hữu lậu, Vô lậu viên mãn sinh khởi thì tại sao không gọi là Phật?”. Lại nữa, chủng tử sinh hiện hành thì chắc chắn đồng thời sinh, tại sao chủng tử mất mà hiện hành của nó lại còn? Ai nói chủng tử Hữu lậu còn lại của vị này đã mất? Tôi hoặc chủng hoặc hiện khác thời, có thể như chỗ vấn nạn thì tôi cũng chủng tử và hiện hành đồng thời, nhưng không trái với Vô gián đạo, cho nên không cùng với Vô gián đồng thời xả. Do đó chỗ vấn nạn của ông không có can dự vào ý của tôi, do chủng và hiện dị thời trước đã phá rồi. Trong đây không nói ý của sư này cũng là chủng và hiện đồng thời, hoặc cũng nói thì đáng lẽ trở thành ba thuyết. Hiện tại luận này thừa nhận huân tập, thuyết minh chủng sinh hiện đồng thời, trong Kim cương tâm cũng còn có huân tập. Lại nữa, quả của ba nẻo ác và nghiệp hoặc đều mất, tại sao vị này đoạn có trước và sau? Trong mười một chương trước đã nói thô trọng trái với giải thoát đạo, tức là quả nẻo ác cùng với hoặc diệt khác thời thì làm sao được lúc này noi theo tình mà đặt câu vấn nạn?

**Luận:** “Do đây nên biết”, đến “không phải Hữu lậu kia nương”.

Thuật rằng: Hữu lậu còn lại, khi giải thoát đạo khởi thì mới xả bỏ. Vì Tịnh Thức thứ tám của giải thoát đạo vị không phải là liệt Vô lậu

và Hữu lậu khác nương. Sư trước muốn giải thích câu vấn nạn sau, suy nghĩ theo đây có thể biết, nhưng hai sư này đều không trái lý. Một phần phiền não trong chỗ đoạn xả, thông với Nhị thừa hữu học, ngoài ra chỉ có Đại thừa. Lại nữa, do năng đoạn đạo trong năng chuyển đạo trước chứng mê ngộ y trong sở Chuyển y, mới có sở đoạn xả và sở khí xả ít phần. Trừ liệt Vô lậu ra, vì liệt Vô lậu chỉ do đắc thắng xả yếu kém.

**Luận:** “Bốn là sở chuyển đắc”, đến “thanh tịnh pháp giới”.

Thuật rằng: Trong giải thích riêng dưới đây, có hai quả riêng cho nên phân ra làm hai phần. Trong Niết-bàn có hai đoạn:

1. Nêu thể chung.
2. Giải thích riêng bốn thứ Niết-bàn.

Phần đầu nêu chung thể tức là văn này. Đây là lựa riêng với Bồ-đề mà gọi là sở hiển đắc, ý văn có thể hiểu. Nói chân Thánh đạo, là chỗ khởi đạo của Thánh, gọi là Thánh đạo, diệu quán sát trí là năng đoạn đạo, giải thoát đạo vị là chánh chứng Niết-bàn, vì có gia hạnh tâm khởi mong cầu. Hoặc không phải đoạn đạo ấn chứng thì gọi là đắc, thông với ba trí phẩm, trừ Thành sở tác trí ra. Hoặc nói chứng Thánh đạo chân lý thì trong đó chỉ có chánh thể trí mà không phải hậu đắc trí, đây là y theo đại vị. Hoặc thông với ba Thừa tùy chỗ thích ứng của nó, do Niết-bàn này tại triền mà chưa hiển, lìa chướng mới hiển, cho nên thể là nhất như. Phỏng theo hiển mà trở thành riêng khác. Phần thứ hai giải thích riêng bốn thứ Niết-bàn, trong đó có hai đoạn:

1. Nêu số chung
2. Rộng giải thích.

**Luận:** “Nghĩa Niết-bàn lược riêng có bốn thứ”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra số.

**Luận:** “Một là bốn lai tự tánh”, đến “gọi là Niết-bàn”.

Thuật rằng: Dưới đây là rộng giải thích. Trong đó có ba phần:

1. Nêu ra bốn thể.
2. Phân rõ ba Thừa.
3. Tổng kết lựa riêng.

Đây là nêu thể. Niết-bàn thứ nhất, văn ý có thể hiểu, là lý của tất cả pháp tướng Chân như, đây là nêu thể, tức là thật tướng Chân như lý trong bảy Chân như. Luận kia ghi: “Chỗ hiển của hai Không phỏng theo chỗ phân rõ của thuyên, Niết-bàn nương vào được hiển, cho nên lấy tương tức, như quyển thứ tám trước đã giải thích. Đây là như Phật Địa quyển 3 trong thanh tịnh pháp giới giải thích. Tuy có khách nhiễm, nhưng giải thích bốn lai tự tánh có mười thứ nghĩa. Cụ công đức, là vì

có thể thuận sinh các công đức, là công đức tánh cho nên gọi là cụ đức. Ngưng tịch thanh tịnh cho nên không có sinh diệt, Chân tánh của chúng sinh do đó bình đẳng có, pháp tánh và pháp lý không phải nhất và dị, như quyển 8 trước đã giải thích xong. Ly tất cả tướng, là lìa sở thủ tướng. Ly tất cả phân biệt, là lìa năng thủ tướng, con đường của tâm và tư dứt bật, hiển chỉ có nội chứng không phải thô tâm. Danh ngôn đạo đoạn, là hiển chân tự tướng không phải chỗ an túc xứ của giả danh ngôn. Không phải nói y, cho nên khác với pháp Hữu vi. Chỉ có chân Thánh là chỗ chứng tự bên trong. Hiển Năng Chứng là chắc chắn chỉ có Thánh nhân. Tánh đó vốn tịch, là giải thích tên của Niết-bàn, vì nghĩa viên tịch là Niết-bàn. Nêu ra nghĩa của thể và giải thích danh trong ba nghĩa sau, căn cứ theo đây mà giải thích.

**Luận:** “Hai là Hữu dư y”, đến “cho nên gọi là Niết-bàn”.

Thuật rằng: Hiển nhân tận khổ y chưa tận, Dị thực cũng còn, gọi là Hữu dư y. Y là thân, ngay nơi thật mà nêu ra thể, cho nên Chân như đó mà nêu ra phiền não chướng. Hữu dư trong đây là phỏng theo Nhị thừa mà nói, vì nói chỉ có vi khổ y. Y là y theo thân, lấy chỗ lìa của nó để hiển Niết-bàn này, vì trong Đại thừa thì khó thấy tướng mạo của nó, là từ chỗ dễ mà nói.

**Luận:** “Ba là Vô dư y”, đến “cho nên gọi là Niết-bàn”.

Thuật rằng: Sở y của Hữu lậu khổ quả đã vĩnh viễn tận, do phiền não tận thì quả cũng không sinh, gọi là đắc Niết-bàn, cũng ngay nơi thật mà nêu thể, thông với giải thích ba Thừa.

**Luận:** “Bốn là Vô trụ xứ Niết-bàn”, đến “cho nên gọi là Niết-bàn”.

Thuật rằng: Sở tri chướng, là hiển chỉ có Bồ-tát mới đắc, không phải Nhị thừa, vì Nhị thừa không thể ra khỏi Sở tri chướng. Đại bi Bát-nhã thường là chỗ trợ giúp, hiển thị duyên Niết-bàn này thì sinh trí và bi, hoặc do trí và bi duyên chứng Chân như, đối với sinh tử và Niết-bàn cả hai đều không trụ. Duyên Niết-bàn này tuy khởi hai dụng Bi và trí, nhưng thể tánh hằng tịch cho nên gọi là Niết-bàn. Đây là phần thứ nhất nêu ra thể của Niết-bàn. Từ đây trở xuống là phần thứ hai ba Thừa phân biệt Niết-bàn cụ và bất cụ. Trong đó có hai đoạn:

1. Ba Thừa cụ và bất cụ.

2. Hỏi đáp phân biệt.

Luận: “Tất cả hữu tình”, đến “có thể nói đủ bốn”.

Thuật rằng: Tất cả hữu tình hoặc phàm hoặc Thánh đều có Niết-bàn thứ nhất. Do đây kinh ghi: “Tất cả hữu tình xưa nay Niết-bàn, phàm

phu và Nhị thừa hữu học chưa chứng ba thứ Niết-bàn sau. Nhị thừa vô học và bất định tánh chưa nhập Địa thì có Niết-bàn thứ nhất và thứ hai. Định tánh thì có thứ nhất và thứ ba. Bồ-tát trực nhập Địa thì có Niết-bàn thứ nhất, thứ hai và thứ tư. Như Lai thì có đủ bốn thứ”. Có đủ sáu vị này, hoặc là do đoạn phược mà đắc, và đắc thứ tự của các vị, hoặc đồng thời hoặc dị thời, mỗi mỗi đều phải nói rộng. Chữ dư, như văn có thể hiểu, tức là ba Thừa có Niết-bàn đủ hoặc không đủ. Từ đây xuống là phần thứ hai hỏi đáp phân biệt, trong đó có ba đoạn:

1. Hỏi đáp Hữu dư y của Phật.
2. Hỏi đáp Hữu và Vô dư y của Nhị thừa.
3. Hỏi đáp đoạn Sở tri chương đắc Niết-bàn.

**Luận:** “Thế nào là thiện thệ có Hữu dư y?”

Thuật rằng: Thiện thệ là Phật. Hữu dư có ba thứ, lý có thể hiểu. Người đặt câu hỏi này, cho rằng nếu Phật có Hữu dư y thì đáng lẽ có khổ y chưa tận.

**Luận:** “Tuy không có thật y mà hiện tượng tự có”.

Thuật rằng: Đây là đáp. Tuy không có Hữu dư Niết-bàn chân thật khổ y chưa tận. Đây tức là tương đồng giải thích Nhị thừa.

**Luận:** “Hoặc là khổ y đã tận”, đến “có thể nói đủ bốn”.

Thuật rằng: Lại giải thích khác với Nhị thừa, vì phỏng theo khổ y tận cho nên gọi là Phật Vô dư y, có thân chỗ y của phi khổ còn tồn tại cho nên gọi là Hữu dư y. Vì Phật Thế Tôn có đủ uẩn Hữu lậu và Vô lậu sở y còn tồn tại cho nên có thể nói Phật Thế Tôn có đủ bốn. Như Lai cũng có Hữu dư như thế.

**Luận:** “Hoặc Thanh văn...”, đến “nói các vị đó không có”.

Thuật rằng: Dưới đây là hỏi đáp thứ hai về Hữu dư y và Vô dư y của Nhị thừa. Đây là người ngoài hỏi: Nếu Nhị thừa có Vô dư y Niết-bàn, tại sao có chỗ nói các vị đó không có? Tức là kinh Thắng Man ghi: “Không có Vô dư y”. Kinh đó nói Hữu dư của Nhị thừa và Thế Tôn sinh pháp bất tận, cho nên có sinh khởi; Phạm hạnh của Hữu dư không thành cho nên không thuần; sự không rốt ráo cho nên phải có sở tác, cho đến nói rằng “đi đến cõi Niết-bàn thì xa xôi”, do đó chư Thanh văn... kia không có Vô dư y.

**Luận:** “Có chỗ nói các vị kia”, đến “các vị kia cũng không phải có”.

Thuật rằng: Trong đây luận chủ chất vấn trước. Nói rằng kinh Thắng Man ghi: “Nhị thừa kia đều không có Niết-bàn”, lẽ nào Hữu dư y Niết-bàn Nhị thừa kia cũng không có, kinh kia tại sao nói Nhị thừa kia



đều không có Niết-bàn? Luận kia ghi: “Chỉ có Như Lai thành tựu tất cả công đức cho nên đắc Niết-bàn, A-la-hán không thành tựu tất cả công đức cho nên nói không đắc”. Nói đắc Niết-bàn là phương tiện của Phật, cho đến nói rộng. Kinh kia nói Nhị thừa không đắc Niết-bàn, không lựa riêng Niết-bàn nào, đã là Hữu dư y Nhị thừa cũng đắc thì biết rõ luận kia nói là có ý thú riêng.

**Luận:** “Nhưng Thanh văn...”, đến “không y ba Niết-bàn trước”.

Thuật rằng: Y Vô tánh là phần thứ hai giải thích văn kinh, văn luận trong đây ý nghĩa có thể hiểu.

**Luận:** “Lại nữa, nói kia không có”, đến “cùng với Phật có khác”.

Thuật rằng: Dưới đây y theo bất định tánh, giải thích thứ hai mở ra chánh nghĩa, văn còn lại dễ hiểu. Nói rằng có Nhị thừa là lựa riêng với bất định tánh, thân và trí ở giai vị diệt, lúc đó tuy không có thân trí của Nhị thừa, nhưng do Nhị thừa có thể chứng diệt này thì có thể nói Nhị thừa có Vô dư y. Không phải khi thân trí còn thì có thể nói Nhị thừa gọi là có Vô dư y. Y theo thật Chân như mà nói thì ba Thừa không khác nhau. Y theo Bồ-đề mà nói thì ba Thừa có sai biệt, cũng có thể y theo vô trụ xứ mà nói thì ba Thừa có khác nhau. Nhưng luận này thì nói Bồ-đề Sai biệt.

**Luận:** “Các Sở tri chướng”, đến “đắc Vô trụ xứ”.

Thuật rằng: Dưới đây là hỏi đáp thứ ba về Sở tri chướng đắc Niết-bàn. Trong đây có ba phần:

1. Hỏi đáng lẽ không đắc Niết-bàn.
2. Hỏi đáng lẽ đắc trạch diệt.
3. Hỏi Bồ-đề chướng.

Đây là người ngoài hỏi, các Sở tri chướng đã không cảm sinh, tại sao Sở tri chướng thì đắc vô trụ xứ? Vô trụ xứ là Niết-bàn. Niết-bàn là thể giải thoát phược. Sở tri chướng của nó đã không thể phát nghiệp nhuận sinh thì tại sao đoạn Sở tri chướng đắc Vô trụ xứ? Trước có nói đoạn Sở tri chướng đắc Niết-bàn, Địa thứ hai phạm giới ngu là Sở tri chướng, tuy cũng phát nghiệp, nhưng Sở tri chướng, không chiêu cảm sinh cho nên hiện tại đặt ra câu hỏi này. Hoặc hoàn toàn không phát nghiệp, tức là không phạm hủy hoại ba nghiệp, không phải trong lúc đó đoạn phiền não chướng, không lấy luận Phật Địa quyển 7 nói đến chỗ phát nghiệp quả là Sở tri chướng thì liền cho rằng phát nghiệp có thể chiêu cảm đối với sinh.

**Luận:** “Kia có thể ẩn che”, đến “đều là không trụ”.

Thuật rằng: Đây là chánh đáp, văn đó có thể hiểu. Để khiến cho

không phát sinh đại bi Bát-nhã, là Chân như làm sở chứng duyên khởi Hậu đắc trí, Hậu đắc trí tức là Bát-nhã, Bát-nhã có thể khởi đại bi. Đối với hai pháp sinh tử và Niết-bàn đều không trụ, Chân như đã không chứng thì bi và trí không sinh.

**Luận:** “Hoặc Sở tri chướng”, đến “không đắc trạch diệt”.

Thuật rằng: Dưới đây là câu hỏi thứ hai đáng lẽ đắc trạch diệt, trong đó phần đầu là hỏi, phần sau thì đáp. Trong đáp có hai phần, phần đầu thì đáp quấy, phần sau thì đáp phải. Trong phần đầu lại có năm đoạn:

1. Đáp.
2. Trình bày.
3. Giải thích.
4. Vấn nạn.
5. Thông.

Đây là cũng người ngoài hỏi. Niết-bàn tức là lấy trạch diệt làm tánh.

**Luận:** “Trạch diệt lia phược, kia không phải phược”.

Thuật rằng: Đây là đáp. Do tuệ chọn lựa phược đoạn trừ mà đắc diệt, gọi là trạch diệt. Do Sở tri chướng không phược hữu tình chiêu cảm sinh tử khổ, đoạn Sở tri chướng rồi thì không đắc trạch diệt.

**Luận:** “Đã đoạn Sở tri chướng như thế thì lẽ nào đắc Niết-bàn?”

Thuật rằng: Người ngoài lại hỏi. Niết-bàn cũng là giải thoát phược.

**Luận:** “Không phải chư Niết-bàn”, đến “trung nhị trạch diệt nhiếp”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Không phải tất cả thể của Niết-bàn đều là trạch diệt, nếu không như thế thì tất cả Niết-bàn đều là trạch diệt, tức là tánh tịnh Niết-bàn đáng lẽ không phải Niết-bàn, vì thể tánh không phải trạch diệt nhiếp. Có thể trói buộc hữu tình trụ sinh tử, nếu đoạn được thì đắc trạch diệt, điều này đã không như thế cho nên không đắc trạch diệt. Văn còn lại dễ hiểu, khởi nhọc giải thích. Trong đó có ý nói, tánh của Niết-bàn thì rộng, thể của trạch diệt thì hẹp, không phải các Niết-bàn đều là trạch diệt. Do Niết-bàn này cùng với trạch diệt kia nên làm bốn câu phân biệt:

1. Là trạch diệt không phải là Niết-bàn, là chỗ đắc diệt trong nhân của phiền não chướng.

2. Là Niết-bàn không phải là trạch diệt, là bốn lai tánh tịnh và Vô trụ xứ hoặc sáu hạnh đắc diệt, là kia phân Niết-bàn không phải trạch

diệt.

3. Là câu.

4. Là phi câu, là Hữu dư y và Vô dư y Niết-bàn là đồng thời và không đồng thời có thể hiểu.

Cho nên hai Niết-bàn thứ nhất và thứ tư là tánh tịnh và Vô trụ xứ, tức là thể lập trên Chân như. Hai Niết-bàn giữa Hữu dư y và Vô dư y là trạch diệt nhiếp, vì do đoạn phược mà đắc. Phược sở y diệt tận thì khi đắc quả ban đầu là trạch diệt, sở y sau đó không có phương pháp để hiển Niết-bàn, sau đó khi nương vào Vô là do trạch lực trước, cho nên luận Đối Pháp nói quả nẻo ác gọi là kiến đạo đoạn. Du-già thì nói là Phi trạch diệt nhiếp.

**Luận:** “Hoặc chỉ đoạn phược”, đến “trong bốn pháp là pháp nào nhiếp?”

Thuật rằng: Đây là phần thứ tư người ngoài lại hỏi. Là trước đã nói rằng, Sở tri chướng không phải đoạn phược thì không đắc trạch diệt, bất động Vô vi và tướng thọ diệt Vô vi cũng không phải đoạn phược mà đắc, trong bốn Vô vi là Vô vi nào nhiếp? Bốn Vô vi, luận Ngũ Uẩn: “Một là hư không, hai là trạch diệt, ba là Phi trạch diệt, bốn là Chân như”. Bách pháp luận và luận Du-già thì nói sáu Vô vi, thêm bất động và tướng thọ diệt. Luận Đối Pháp và luận Hiển Dương nói tám Vô vi, thêm bốn tánh Chân như, nhân theo đây thì thuyết minh rộng nghĩa Vô vi, như quyển 2 trước và Biệt sao giải thích.

**Luận:** “Phi trạch diệt nhiếp”, đến “không phải vĩnh viễn diệt”.

Thuật rằng: Dưới đây là luận chủ đáp: Hai pháp Vô vi này trong bốn Vô vi là Phi trạch diệt nhiếp. Hiển Dương quyển 18 ghi: “Hai Vô vi này tạm thời lìa trôi buộc, không phải rốt ráo lìa trôi buộc.

Hỏi: Phi trạch diệt tại sao tạm lìa mà không sinh lại?

Đáp: Trạch diệt Vô vi rốt ráo diệt, vĩnh viễn hại tùy miên. Trong Phi trạch diệt, luận Du-già quyển 53 ghi: “Phi trạch diệt pháp không phải xưa nay quyết định. Xưa nay quyết định là học thấy thánh tích. Đối với các loài Chúng sinh như noãn sinh, thấp sinh, Bắc-câu -lô châu, vô tướng thiên, nữ thân, phiến hổ, bán trạch, vô hình, nhị hình... và sau đó có hoặc ái hoặc thủ chỗ đắc Phi trạch diệt xưa nay quyết định, ngoài ra thì bất định, vì hàng phục chủng tử khiến cho không sinh hiện hành gọi là Phi trạch diệt. Chủng tử nếu gặp duyên thì có thể sinh hiện hành, cho nên càng sinh thêm nữa, do đây Phi trạch diệt có quyết định và không quyết định, cho nên trong đây nói có vĩnh viễn diệt là có vĩnh viễn không diệt, do đó hai Vô vi này đã không phải là vĩnh viễn diệt nhiếp,

nói tạm thời lìa nói năng. Thuyết minh về Phi trạch diệt, trong trạch diệt có chữ “Duy” để hiển nghĩa bất thông và tạm lìa, trong Phi trạch diệt thì có chữ “không phải vĩnh viễn” để hiển nghĩa bất định. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: “Có hai pháp nên đoạn, là các phiền não cùng với sở y thọ biến dịch và bất biến dịch, như thứ tự của nó nên biết, phiền não đoạn thì lập trạch diệt. Hai thứ thọ diệt kiến lập bất động và tưởng thọ diệt, hai thọ này không sinh thì cũng gọi là đoạn. Không nói hai Vô vi là trong trạch diệt phân ra, không thể đặt làm câu vấn nạn.

Hỏi: Đã nói về Vô gián đạo, thế nào là phi trạch, trạch là tuệ. Vô gián sinh là giác không phải là tuệ?

Đáp: Khởi Vô gián đạo hoặc Hữu lậu cũng là phi trạch, hoặc Vô lậu không đoạn chủng tử lậu, là quyết định Phi trạch diệt, có hại gì. Lại nữa, điều này đáng lẽ trình bày sự Tát-bà-đa bất nhiễm Vô tri khởi Vô gián đạo đoạn mà không phải là trạch diệt, có ý gì bất đồng với Hữu lậu đạo, vì Hữu lậu đạo thì tông kia cũng đắc trạch diệt. Hoặc hiện tại Đại thừa khởi Vô gián đạo lại nữa để đoạn riêng hoặc chủng. Phược nhân còn lại thì sự so sánh này vĩnh viễn không sinh.

Hỏi: Phi trạch diệt nhiếp thì cũng có lỗi gì?

Đáp: Đã như thế thì quyết định biết đắc Vô dư trước. Sở y vĩnh viễn không có so sánh để hiển diệt trước, gọi là đắc Niết-bàn cho nên là trạch diệt nhiếp. Như tưởng thọ diệt Vô vi sau đó mới hiển, thật ra đã đắc ở trước. Vô dư cũng như thế, hoặc do trạch diệt trước đoạn hoặc vĩnh viễn không sinh. Nghĩa này nên suy nghĩ. Dưới đây là phần thứ hai giải thích.

**Luận:** “Hoặc Vô trụ xứ”, đến “chỗ nhiếp của trạch diệt”.

Thuật rằng: Thế này tuy không phải phược, do chân trạch lực diệt chướng mà đắc, cho nên lẽ nào không phải là trạch diệt. Diệt chướng mà đắc cho nên như phiền não diệt, tức là hai Vô vi thuộc trạch diệt nhiếp. Tiếp theo là tổng hợp văn của luận Hiển Dương quyển 18, luận đó nói tạm phục diệt, là nói hàng phục hoặc mà đắc, và tâm Vô lậu khi ở diệt hoặc vị mà nói. Đây là hoặc phỏng theo Vô gián đạo đoạn và giải thoát đạo mà đắc, tức là văn của luận Đối Pháp quyển 2 làm chính, là trạch diệt nhiếp. Hoặc phỏng theo phục diệt đắc diệt định mà kiến lập, tức là Phi trạch diệt. Như luận Hiển Dương, như quyển 2 Sao và luận Đối Pháp quyển 2 Sao giải thích. Nghĩa bất động, như trước nói.

**Luận:** “Đã là Sở tri chướng”, đến “là Bồ-đề chướng”.

Thuật rằng: Dưới đây là câu hỏi thứ ba về Bồ-đề chướng, người ngoài hỏi. Sự này nói Sở tri chướng cũng chướng Niết-bàn, có thể

hiểu.

**Luận:** “Nói phiền não chướng”, đến “làm Bồ-đề chướng”.

Thuật rằng: Dưới đây sư này đáp. Phần đầu là chất vấn, vì phiền não chướng cũng chướng ít phần trí của Bồ-đề cho nên gọi là chướng Bồ-đề. Lại nữa, vì có Bồ-đề này mà không khởi cho nên cũng làm chướng. Thế nào mà được lấy Sở tri đặt làm vấn nạn? Ý vấn có thể hiểu. Nếu như thế thì tại sao chư Thánh giáo nói hai chướng chướng riêng?

**Luận:** “Nên biết Thánh giáo”, đến “thông chướng hai quả”.

Thuật rằng: Trong chư Thánh giáo y theo dụng thù thắng mà nói, nghĩa này không trái, thật ra mỗi mỗi đều chướng cả hai. Như quyển một phần đầu Sao giải, đây là đoạn văn thứ hai trong giải thích Niết-bàn. Giải thích riêng về Niết-bàn đã xong.

**Luận:** “Chỗ nói như vậy”, đến “gọi là sở hiển đặc”.

Thuật rằng: Phần thứ ba tổng kết. Lấy ba thứ Niết-bàn gọi là sở hiển đặc, vì tự tánh Niết-bàn không do hiển cho nên mới đặc, vì bốn lai tịch, chỉ có ba thứ sau mới gọi là sở hiển đặc, vì chướng diệt hiển.

**Luận:** “Hai sở sinh đặc”, đến “tương ứng tâm phẩm”.

Thuật rằng: Dưới đây phần thứ hai thuyết minh sở sinh đặc, trong đó có ba đoạn:

1. Nêu thể.
2. Giải thích riêng.
3. Tổng kết.

Phần đầu nêu thể, văn có thể hiểu.

**Luận:** “Tại sao Bốn trí tương ứng tâm phẩm”.

Thuật rằng: Đây là bắt đầu hỏi. Phần thứ hai giải thích riêng Bồ-đề. Bồ-đề đã là bốn trí, bốn trí là thế nào?

**Luận:** “Một là đại viên cảnh trí”, đến “hiện nhiều sắc tượng”.

Thuật rằng: Trong đó có chín phần.

Thứ nhất nêu thể để phân rõ bốn trí sai biệt. Luận Phật Địa quyển 3 giải thích các tên này có chút ít sai biệt. Luận Đối Pháp lại giải thích, ngoài có thể hiểu. Viên cảnh tức là trí - Trì nghiệp thích. Câu nói tương ứng tâm phẩm thông với tương ứng pháp. Lìa các phân biệt, Phật Địa ghi: “Lìa ngã chấp và ngã sở chấp, tất cả phân biệt của sở thủ và năng thủ”. Cảnh và hành tướng cả hai đều không thể trặc lường gọi là vi tế. Bất ngu là nghĩa không mê ám, do đây Như Lai gọi là tất cả chủng trí và Tất cả trí. Hoặc bất vong là hằng hiện tiền, do đây Như Lai trở thành bất vong bầy pháp. Tự tánh minh thiện gọi là thanh tịnh, Hữu lậu vĩnh

viễn lià mất các tạp nhiễm. Thuần tịnh viên đức, thuần là không tạp, tịnh là lià nhiễm, viên là tròn đầy. Thuần là lựa riêng riêng với nhân Vô lậu, tịnh là lựa riêng với tất cả Hữu lậu, viên là lựa riêng với công đức của Nhị thừa vô học. Hiện chủng y trì, là chỗ y của công đức hiện hành và chỗ của công đức chủng tử, trì công đức chủng có thể hiện hành năng sinh thân độ và trí ảnh. Tự tâm và tâm sở không duyên nhiễm bản chất, như hiện hành ngoài ba trí ảnh thì gọi là năng hiện. Ngoài ra công đức thân và độ của sắc căn gọi là năng sinh, vì thân cận chiếu soi bản chất. Lại nữa, pháp của thân và độ là cảnh thân cận duyên, trên thức mà hiện thì gọi là năng hiện. Pháp của ba trí thân cận duyên không nhiễm, chỉ từ đây mà sinh thì gọi là năng sinh. Lại nữa, trên Thức thứ tám chỗ sinh các pháp của biệt chủng như tự sắc và tự tâm thì gọi là năng sinh, vì y theo Thức thứ tám mà riêng có chủng. Hoặc hiện các ảnh của cneo ác tha thân thì gọi là năng hiện, không có biệt chủng sinh, chỉ có thức chủng, chỉ có hiện trên thức thì gọi là năng hiện, vì trí làm tánh cho nên Vô gián, ngay nơi thời thì không đoạn, ngay nơi phương thì tất cả thời đều có thể hiện tất cả xứ ảnh, như tấm gương lớn hiện nhiều sắc tượng. Kinh Phật Địa ghi: “Như y theo tấm gương nhiều ảnh tượng hiện, như y theo tấm gương Phật trí thì các xứ, cảnh, thức ảnh tượng hiển hiện bình đẳng bình đẳng, cho nên lấy làm ví dụ.

**Luận:** “Hai là bình đẳng tánh trí”, đến “tận vị lai tế”.

Thuật rằng: Đây là căn cứ theo chánh nghĩa, có bảy nghĩa thông với Vô lậu. Bình đẳng tánh và Chân như lý, trí duyên hai pháp này cho nên nói bình đẳng, đây là trong nhân có ngã chấp cho nên tự và tha sai biệt. Hiện tại Vô ngã cho nên tự và tha bình đẳng, đại từ bi hằng cùng tương ưng. Đây là nhiếp vài tánh trong mười bình đẳng, là từ và bi nhiếp tám đức. Tùy chỗ ưa thích của hữu tình mà thị hiện, tùy chỗ nên hiện của Bồ-tát Thập Địa. Chỗ kiến lập của Vô trụ Niết-bàn là do duyên không trụ Niết-bàn, thức này hằng cùng bi trí tương ưng, Niết-bàn là năng lập, bi trí là sở lập, gọi là kiến lập, hoặc do chỗ hiển Chân như của bi trí này mà gọi là Vô trụ xứ, tức là kiến lập Vô trụ xứ Niết-bàn. Luận Phật Địa ghi: “Kiến lập Phật Địa Vô trụ Niết-bàn, lại không có chuyển dịch gọi là nhất vị, không có gián đoạn cho nên gọi là tương tục”. Văn còn lại dễ hiểu.

**Luận:** “Ba là diệu quán sát trí”, đến “đều đạt được lợi lạc.

Thuật rằng: Thần dụng không có so sánh nào xứng với nó, là diệu. Duyên đủ các pháp tự cộng tương, là quán sát, trừ lượng cảnh tượng diệu dụng thù thắng, nhiếp quán vô lượng tổng trì và định môn. Tổng

trì môn là Đà-ra-ni môn, định môn là Tam-ma-địa môn. Tuy ngoài ba trí không phải không có đức này, nhập xuất các thiền và tổng Trì sai biệt hay hơn ba trí khác. Trí này có thể nhiếp chứa cho nên gọi là nhiếp, cũng thường quán sát tổng trì và định môn này cho nên gọi là quán. Công đức trân bảo, là các pháp sáu độ, đạo phẩm, mười lực..., tác dụng sai biệt là hiện thân thông.

**Luận:** “Bốn là Thành sở tác trí”, đến “chỗ nên tác sự”.

Thuật rằng: Thành tựu của sở tác là thành sở tác, tức là trí. Luận Phật Địa quyển 7 nói là biến hóa ba nghiệp. Luận Du-già quyển 98 ghi: “Không thể hóa căn và tâm. Nói ba nghiệp là tương tự ý nghiệp chuyển, như sau sẽ biết, gọi là tự tâm. Từ đây trở lên đều là phần thứ nhất nêu ra thể của trí, lấy tác dụng để hiển thể cho nên phân rõ sai biệt môn”.

**Luận:** “Như vậy bốn trí”, đến “vì trí gọi là hiển”.

Thuật rằng: Giải thích thứ hai là tương ứng nhiều ít môn, nguyên nhân đặc trí gọi là Phi thức. Hai mươi hai pháp là biến hành, biệt cảnh và pháp thiện đều nắm lấy tâm. Căn cứ theo nhân của tâm và tứ trước thông với Vô lậu, tức là diệu quán sát hai mươi bốn pháp. Hiện tại từ hai vị nhân quả mà luận chung cho nên là hai mươi hai, hai mươi hai này là thể, năng biến là Kiến phần, sở biến là Tướng phần. Hoặc tự thể của thức gọi là năng biến, Tướng phần và Kiến phần gọi là sở biến. Hoặc năng biến là chủng, là nhân năng biến. Sở biến là hiện, là quả năng biến. Trí, là nghĩa quyết đoán rõ ràng thông suốt. Vị kia quyết đoán liễu đạt cùng hiển, cho nên trí dụng tăng.

**Luận:** “Cho nên bốn phẩm này”, đến “công đức đều tận”.

Thuật rằng: Phần thứ ba lấy thể nhiếp dụng, cho nên Phật Địa quyển 3 phần đầu thuyết minh đủ công đức nhiếp nhau, cho nên bốn trí này tổng nhiếp tất cả công đức Hữu vi của Phật Địa đều tận. Trí làm chủ, cho nên nói trí dụng tăng, vì các công Đức trí sai biệt khác.

**Luận:** “Trí này chuyển Hữu lậu”, đến “mà đặc bốn trí này”.

Thuật rằng: Phần thứ tư là Chuyển thức nào để đặc trí môn nào. Thức thứ tám, thứ bảy, thứ sáu và năm thức trước, như thứ tự mà đặc. Vô tánh Bồ-tát luận và Trang Nghiêm Luận: “Lại còn quán trí chuyển năm thức”. Trong đây chỉ Chuyển Thức thứ sáu mà đặc. Trong luận Phật Địa có hai sự nói, trong đó không phải thứ tự, vì thuyết pháp đoạn nghi không phải là năm dụng, rộng như Phật Địa nói, không phiền dẫn ra, cùng với luận này không trái nhau. Nguyên nhân Chuyển thức đặc trí, trong đây có hai chữ “lại nữa”, thứ nhất giải thích những gì có thể giải thích, thứ hai là trong giải thích. Thức thì phân biệt Hữu lậu vị là

cường mạnh, trí thì quyết đoán Vô lậu vị là thù thắng. Chuyển cường để đắc cường cho nên nói là đắc trí. Trong đây nhân theo xả thức đắc trí, nhân theo thành tựu, gọi là nguyên nhân của trí.

**Luận:** “Đại viên cảnh trí”, đến “tịnh chủng thức”.

Thuật rằng: Phần thứ năm là vị thứ Chuyển thức đắc trí. Đây là mới nói về dbt có thể hiểu. Hoặc Kim cương tâm không có Vô lậu thức, vì Hữu lậu đã xả. Vô lậu chưa sinh thì đáng lẽ không có thức có thể trì tịnh chủng, như chỗ tranh luận chuyển xả ở trước.

**Luận:** “Có nghĩa phẩm này”, đến “không trái nhau”.

Thuật rằng: Vô gián đạo và Dị thực thức đồng thời diệt, đã không phải chương pháp cho nên không trái nhau. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 10 giải thích, kim cương là dụ cho định Vô gián tận trí sinh, không nói khi Kim cương tâm tận thì trí khởi. Tại sao nói Vô gián đạo vị viên cảnh trí sinh? Đây là chỉ có chánh nghĩa, chủng và hiện đồng thời, chủng và hiện dị thời, lại có giải thích riêng.

**Luận:** “Không phải chương Hữu lậu”, đến “khiến cho không sinh”.

Thuật rằng: Tức là chỗ nói các Hữu lậu khác ở trước. Là thể của thiện và Vô ký không phải là pháp chương Hữu lậu. Vô gián sinh rồi thì bốn trí viên minh không có thức sở huân, các pháp Vô lậu lại càng không tăng trưởng thì đáng lẽ thành Phật, bi và trí không cùng cho nên tận vị lai tế. Sư trước giải thích văn “khi tận trí sinh” của luận Đối Pháp ghi: “Luận đó nói sau Vô gián vị thì tận trí viên mãn mà sinh”. Không nói lúc này các tận trí này chưa khởi. Lại nữa, Vô gián là nghĩa đồng thời Vô gián, gián cách cũng còn gọi là Vô gián. Đồng thời thì lẽ nào không phải là Vô gián, như dị niệm nói đồng thời có. Trong luận Phật Địa không có hai thuyết này, vì luận đó không phân rõ vị nào là tâm sinh.

**Luận:** “Bình đẳng tánh trí”, đến “tận vị lai tế”.

Thuật rằng: Sơ Vị của kiến đạo hiện tại trước, trong chân kiến đạo thì trí này liền khởi, do Thức thứ sáu dẫn sinh, không phải tự lực khởi. Hai chương nhanh chóng đoạn thì diệu quán sát trí và bình đẳng tánh trí khởi chắc chắn đồng thời, nếu đoạn dần dần thì bình đẳng khởi sau, nhưng các kiến đạo và Thập Địa gián đoạn khởi như thuyết minh tâm sở trên, vì ở sau pháp vân địa và tận vị lai. Thức thứ tám quyết định cùng với một tâm sở đồng thời, tự lực đã thù thắng thì không do Thức thứ sáu dẫn. Sáu nhập sinh Không, bảy Hằng pháp không, vì bình đẳng chuyển, cũng không đồng địa, không đồng nhân vị, tất cả đều đồng.



**Luận:** “Diệu quán sát trí”, đến “đều được hiện khởi”.

Thuật rằng: Đây là phần đầu giải thích sinh Không quán phẩm. Tiệm ngộ nhập là đến Giải hạnh địa thì hết. Đốn ngộ thì đến Vô học vị, hoặc đến thượng vị, là đến trong Thập địa vị của Bồ-tát thì đốn và tiệm cũng đều như thế. Đã không chướng pháp không, thuyết minh pháp không quán là đối sinh quán. Gia hạnh nhập tâm tuy riêng pháp không, nhập thì tế cho nên liên đới với thô ý của nó, đây không phải là Hữu lậu và vô tâm thông với các vị trên.

**Luận:** “Pháp không quán phẩm”, đến “đều được hiện khởi”.

Thuật rằng: pháp không quán phẩm chủ yếu là kiến đạo vị của Bồ-tát mới bắt đầu khởi. Pháp không quán phẩm cứ theo trước mà giải thích, nếu đến Phật vị thì chỉ có sinh Không quán, hoặc chỉ có lý không phải sự, hoặc có chỉ sự không phải lý, hoặc cả hai đồng thời quán đều tự tại. Văn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Thành sở tác trí”, đến “cũng được bắt đầu khởi”.

Thuật rằng: Như trong bốn duyên ở trước đã giải thích. Sư thứ nhất nói: “Bồ-tát trong Tu đạo vị, sau Ý Thức thứ sáu được dẫn, cũng được bắt đầu khởi, vì trong tịnh Độ khởi năm thức”. Luận Phật Địa cũng có nghĩa này. Tuy nói Sơ địa cũng được khởi, nhưng không phải kiến đạo, sau khi Tu đạo đắc trí thì kiến đạo mới được khởi, vì trong Chân tướng kiến đạo không duyên ngoại sự khởi thô thức.

**Luận:** “Có nghĩa thành Phật”, đến “tác ý khởi”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói. Như trong bốn duyên trước đã giải thích, không có văn nghĩa khác cho nên không trình bày. Tỷ lượng trong đây, lựa riêng với quá và giải thích vấn nạn, giải thích đủ như trước, luận Phật Địa có phê bình, nghĩa thì lấy giải thích sau.

**Luận:** “Tứ chủng tánh này”, đến “thù thắng hơn Phật sau”.

Thuật rằng: chủng tánh thứ sáu vốn có khởi thủy môn. Địa Tiền chủng tánh tăng, nhập Địa hai chủng tánh tăng; Địa tiền dụng tăng, nhập địa thể tăng, vì hiện hành riêng biệt. Văn còn lại có thể hiểu, chỉ có nghĩa của Hộ Pháp.

**Luận:** “Đại viên cảnh trí”, đến “bất khả tri”.

Thuật rằng: Phần thứ bảy sở duyên cảnh giới môn. Sư thứ nhất có thể hiểu, lý do như văn nói.

**Luận:** “Có nghĩa phẩm này”, đến “cũng duyên tục”.

Thuật rằng: Trang Nghiêm Luận: “Đối với tất cả cảnh đều không ngu mê, có tục mà không biết, không phải không ngu”, văn còn lại có thể hiểu. Nói các xứ là nội trong sáu xứ, cảnh là sáu cảnh, thức là sáu

thức. Đây là mười tám giới, hoặc mười hai xứ, vì sáu căn và sáu thức đều gọi là thức, vì thân và độ quyết định phải duyên. Tổng hợp nhập Bất Khả Tri Nói hành duyên vi tế, là hành tướng và sở duyên. Nhân đã vi tế thì quả cũng khó biết, không phải không duyên tục.

**Luận:** “Duyên Chân như cho nên”, đến “cứ theo đây nên biết”.

Thuật rằng: Nói về hai trí, thể là một dụng làm hai. Tại sao câu sinh duyên tục gọi là hậu đắc? Hiểu rõ tục là do chứng chân, chứng chân là duyên tục trí sinh, cho nên gọi là hậu đắc, vì hậu đắc không chứng chân. Hoặc như duyên trong nhân của hậu đắc thì tục quán và chân quán sinh sau. Dưới đây cứ theo đó giải thích. Ngoài ra chỗ dẫn văn thì xem luận Phật Địa, nhân thì có hai chủng loại, quả thì hằng chỉ có một chủng sinh hai dụng hiện hành.

**Luận:** “Bình đẳng tánh trí”, đến “đối với lý không trái”.

Thuật rằng: Trong đây có ba thuyết, lý do như văn. Duyên mười bình đẳng cho nên duyên thông cả chân và tục, là thuyết thứ ba.

**Luận:** “Diệu quán sát trí”, đến “chỗ nhiếp của hai trí”.

Thuật rằng: Văn nghĩa dễ hiểu.

**Luận:** “Thành sở tác trí”, đến “Hậu đắc trí nhiếp”.

Thuật rằng: dẫn văn của luận đều xét theo số quyển như trước đã hiển bày. Vì đồng loại cảnh cho nên nói năm cảnh. Bất định chỉ có như vậy cho nên không trái nghịch. Năm thức đều có thể duyên sáu cảnh, không trái với lý, vì hành tướng thiện cận duyên thành sự trí, chỉ ngăn trách Vô vi, như văn chứng thành.

**Luận:** “Bốn tâm phẩm này”, đến “lợi lạc hữu tình”.

Thuật rằng: Phần thứ tám duyên cảnh tác dụng môn. Thành sự trí hiển hiện thông cả tịnh độ và uế độ, diệu quán sát trí thì thuyết pháp thông cả hai độ.

**Luận:** “Các Môn sai biệt nhiều thứ như vậy”.

Thuật rằng: Phần thứ chín chỉ lệ môn thì có nhiều, các môn sai biệt nhiều thứ như vậy. Phật Địa có bốn phần tâm duyên cảnh, như quyển 2 trước đã giải thích. Các trí tướng và kiến phân biệt môn, tức là quyển 9 trước giải thích đã xong. Tương ứng tâm sở nhiều ít môn, như trong quyển 3 giải thích Thức thứ tám, quyển 4 giải thích Thức thứ bảy và quyển 7 giải thích Thức thứ sáu, và kế đó trong giải thích hai mươi hai pháp. Thiện Vô lậu môn, như phân rõ trong tùy thức. Giả Thật phân biệt môn, và nhiếp các công đức môn, luận này tuy không có tổng thuyết minh về xứ, nhưng Tùy chư thức thì đã thuyết minh xong, cho nên không phiền trình bày khoảng đó. Trí nương vào định nào mà

khởi? Tương ứng với thọ nào? Hậu thức và hậu trí sinh thì chuyển về cõi nào? Phật Địa không có những vấn này, như trước đã giải thích. Từ trên đến đây, tổng là phần thứ hai giải thích riêng về chỗ sinh Bồ-đề đã nói xong. Từ đây xuống là kết sở sinh đắc đó.

**Luận:** “Bốn tâm phẩm này gọi là sở sinh đắc”.

Thuật rằng: Đây là kết. Ngay trong giải thích sở chuyển đắc có ba phần:

1. Nêu chung sở chuyển đắc, nêu ra tâm sở.
2. Giải thích riêng sở hiển và sở sinh đã nói xong.
3. Tổng kết.

**Luận:** “Sở sinh đắc này”, đến “gọi là sở chuyển đắc”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết chỗ nói trước. Ngay trong giải thích Chuyển y có ba phần, từ trên đến đây là phần thứ nhất giải thích Chuyển y đã nói xong, từ đây xuống là phần thứ hai thuyết minh chỗ nói về Chuyển y của tụng.

**Luận:** “Tuy nghĩa của Chuyển y”, đến “Chuyển y mà nói”.

Thuật rằng: Tổng có bốn thứ, nhưng hiện tại luận này chỉ lấy hai sở chuyển đắc, còn lại ba Chuyển y không thể làm chứng. Giả sử có Chân như và Vô lậu đạo, vì không phải là chứng nghĩa cho nên không nói.

**Luận:** “Tu tập vị này”, đến “nhân vị nhiếp”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba thuyết minh Thập Địa này có thể chứng hai Chuyển y, không phải đã chứng đắc, chủ yếu là thành Phật mới chứng. Vô gián đạo của Thập Địa này đoạn chương làm nhân thì giải thoát đạo mới chứng Thập Địa kia. Từ trên đến đây giải thích tụng thứ tư trong năm vị, tuy có nói rộng và sơ lược không đồng, nhưng tông quát đều là giải thích tu tập vị của Thập Địa, đã nói xong.

**Luận:** “Cứu cánh vị sau, tướng nó như thế nào?”

Thuật rằng: Từ đây xuống giải thích Vị thứ năm là Cứu cánh đạo. Trong đó phần đầu là hỏi, phần sau là đáp. Đây là hỏi.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “Đại Mâu-ni gọi là pháp”.

Thuật rằng: Trong tụng có ba phần, một câu đầu nêu thể của vị, bảy chữ kế đó hiển đức thù thắng, còn lại tám chữ lựa riêng với Nhị thừa để hiển sai biệt của ba Thừa.

**Luận:** “Nói rằng Tu tập vị trước”, đến “tướng của Cứu cánh vị”.

Thuật rằng: Có hai phần:

1. Giải thích văn tụng.
2. Các môn phân biệt.

Phần thứ nhất giải thích bốn câu văn, tức là bốn đoạn, nghĩa thì ba đoạn. Như phán phân định ý tụng, có ba phần:

1. Tổng phán phân.
2. Nêu thể.
3. Giải thích riêng.

Trong phần đầu có hai đoạn:

1. Chánh giải thích câu đầu nêu thể của tụng.
2. Hỏi đáp để phân giải thích riêng trong tụng.

Đây là hiển tướng của vị.

**Luận:** “Vị này tức là vị trước”, đến “Vô lậu giới nhiếp”.

Thuật rằng: Dưới đây nêu thể, Vô lậu giới nhiếp, tức là hai quả Chuyển y Bồ-đề và Niết-bàn là Cứu cánh vị. Nói cứu cánh, lược có hai nghĩa:

1. Lựa riêng với bốn vị trước gọi là cứu cánh.
2. Lựa riêng với Nhị thừa gọi là cứu cánh.

Nhị thừa tuy đắc Bồ-đề và Niết-bàn nhưng không phải nghĩa cứu cánh, vì không phải cao thượng thù thắng. Đây là giải thích sơ lược chữ “vị này” và “tức là” trong câu tụng thứ nhất, gồm giải thích Vô lậu giới.

**Luận:** “Các lậu vĩnh viễn tận”, đến “cho nên gọi là Vô lậu”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích nghĩa Vô lậu. Các lậu vĩnh viễn tận, nghĩa là năng trừ lậu, năng chứng và sở chứng đều là năng trừ lậu, đây là nghĩa lia tương ứng phược của nó, không phải Lậu tùy tăng theo, tức là hiển nghĩa không phải sở duyên phược. Lại nữa, các lậu vĩnh viễn tận, là hiển lia tạp phiền não của nó, không phải lậu tùy tăng theo, là nghĩa lia hai phược. Lại nữa, nghĩa thứ nhất là pháp nhiệm tự tánh đoạn, nghĩa sau là ly phược đoạn. Tánh thứ nhất chỉ có nhiệm, tánh sau thì thông với tất cả Hữu lậu. Nói tánh tịnh, là lựa riêng với uẩn của Nhị thừa vô học thiện Hữu lậu, tuy cũng lia hai phược nhưng tánh không phải tịnh, là loại Hữu lậu trước, vì có Sở tri chướng của Thức thứ bảy thì đều không phải tánh tịnh. Nói viên, là lựa riêng với tất cả hữu học Vô lậu, vì nhân chưa viên mãn. Minh, là lựa riêng với Nhị thừa vô học Vô lậu để hiển Nhị thừa kia tuy có quả cực viên nhưng không phải là minh, vì không phải thù thắng huyền diệu. Lại nữa, tịnh là lựa riêng với hữu tình, Viên là lựa riêng với Nhị thừa, minh là lựa riêng với Bồ-tát Vô lậu. Có đủ năm nghĩa thì tánh gọi là Vô lậu giới. Các Vô lậu khác tuy cũng gọi là Vô lậu nhưng không phải cứu cánh Vô lậu. Trong đây tuy giải thích chữ Vô lậu, nhưng phát âm dài chữ “thượng” ra thì ý mới

là sâu xa.

**Luận:** “Giới nghĩa là tạng”, đến “lợi lạc sự”.

Thuật rằng: Giới nghĩa là tạng, là chỗ tàng chứa công đức Vô vi của Niết-bàn, chỗ tàng trữ công đức Hữu vi của Bồ-đề. Hoặc nghĩa là nhân, hoặc làm sở duyên, hoặc làm tăng thượng lần lượt truyền thuyết làm lợi ích, là thể có thể sinh sự nghiệp lợi lạc của năm Thừa thế gian và Xuất thế gian, hoặc làm duyên sinh sự nghiệp lợi lạc người khác. Tại sao kinh ghi: “Tại triều gọi là Như Lai Tạng, xuất triều gọi là pháp thân?” Trong luận này thì xuất triều mới gọi là tạng. Kinh kia thì phỏng theo vị, luận này thì phỏng theo thể. Hoặc kinh kia nương vào hữu chướng và vô chướng để phân rõ pháp môn, luận này thì thuyết minh bốn và một cho nên không trái nhau, tức là giải thích chung câu thứ nhất đã xong.

**Luận:** “Thanh tịnh pháp giới”, đến “thế nào chỉ có Vô lậu?”

Thuật rằng: Dưới đây thuyết minh trong hỏi đáp có hai câu. Đây là câu hỏi thứ nhất.

Người ngoài hỏi: Thanh tịnh pháp giới có thể chỉ có Vô lậu vì là lý pháp, tâm phẩm của bốn trí tại sao chỉ có Vô lậu, lẽ nào Như Lai thân đều chỉ có Vô lậu?

Đáp: Đây là trừ Đại chúng bộ ra, còn lại là vấn nạn của Tiểu thừa. Lý pháp của pháp giới đã đồng với trạch diệt thì có thể thừa nhận Vô lậu, không phải công đức Hữu vi trước Phật thân đều là thuộc về Vô lậu.

Hỏi: Tại sao chỉ nói là Vô lậu?

**Luận:** “Thuộc về Đạo đế”, đến “cho nên đã vĩnh viễn xả”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Quyển 66 ghi: “Tất cả công đức của Phật trí và thần thông là chỗ nhiếp của đạo đế”. Trước đã thành lập Đại thừa Thánh giáo, cho nên làm lượng.

**Luận:** “Tuy có thị hiện”, đến “chỗ nhiếp của đạo đế”.

Thuật rằng: Như Lai thị hiện thân và ngữ quả trách, hiện khởi nhập diệt, thị hiện có đau lưng, tựa như Khổ đế và Tập đế, nhưng thật ra là Vô lậu.

**Luận:** “Tập luận nói”, đến “năm ngoại giới”.

Thuật rằng: Người ngoài hỏi: Tập luận quyển 3 nói mười lăm giới và mười sắc xứ chỉ là Hữu lậu, hiện tại luận này nói Phật thân chỉ đều là Vô lậu, đã như thế thì Như Lai lẽ nào không có năm căn, năm thức và năm ngoại giới? Chữ “đẳng” là đồng lấy mười Hữu sắc xứ và pháp xứ ít phần. Hiện tại luận chủ nói Như Lai đều là Vô lậu. Luận nói Hữu

lậu của mười lăm giới nhiếp là trái nhau cho nên đặt vấn nạn.

**Luận:** “Có nghĩa Như Lai”, đến “lý không trái nhau”.

Thuật rằng: Đáp có ba nghĩa. Đây là thuyết thứ nhất. Thân và độ của Như Lai đã lia năng phân biệt, sở phân biệt và bầy phân biệt, dứt tuyệt danh ngôn hý luận, không phải hữu tình của uẩn, xứ, giới nhiếp, không thể nói năm căn này, năm cảnh này. Hiện tại Đại Bát-nhã có văn này, các sư của ba luận phần nhiều lấy điều này giải thích, cho nên không thể cho Hữu lậu của mười lăm giới là đồng. Luận kia nói Hữu lậu là để thuyết không phải Phật thân, như Phật Địa quyển 1 nói. Sư này lấy nghĩa thứ ba, luận kia cũng không thừa nhận.

**Luận:** “Có nghĩa Như Lai”, đến “tánh tán loạn”.

Thuật rằng: Đây là thuyết thứ hai, trong văn có năm đoạn:

1. Mở tông.
2. Người ngoài hỏi.
3. Giải thích vấn nạn.
4. Hỏi lại.
5. Giải thích và trình bày.

Trong đoạn thứ ba giải thích vấn nạn có hai phần giải thích, trong phần thứ nhất có năm đoạn:

1. Người ngoài hỏi.
2. Trình bày thêm.
3. Giải thích nữa.
4. Hỏi nữa.
5. Giải thích nữa.

Căn và cảnh của Như Lai đều lấy diệu định của Ý thức làm cách biến hóa đầu tiên, bản thức thì tùy biến. Giả sử Thức thứ tám biến thì diệu định sinh, cho nên là chỗ nhiếp của pháp giới, không phải Phật lấy Bồ-tát và dị sinh ở chỗ ngoài khác, tuy nương trên chỗ biến của Phật này thân và độ của Phật, nhưng Phật biến vi tế, các loài khác biến thì thô. Phật biến tế không phải là năm cảnh nhiếp, chỗ biến của loài khác thì nghĩa có hai đường:

1. Sắc hoặc định nhiếp, chỗ dẫn trụ của Thắng định thứ tám của Như Lai. Tại sao chỗ dẫn của định thứ tám tức là năm thức kia? Không phải như vậy, vì năm xứng với tán loạn, năm thường duyên, lý cũng có chút ít khó suy nghĩ thuần thực. Căn và cảnh đã không có thì năm thức của Như Lai cũng không phải năm thức giới, căn tuy không phải thật, nhưng tương tợ căn tương đó cho nên Phật hiện có, loài khác thì không biến căn, chỉ biến tương tợ cảnh, vì tương thô, hoặc có thể thọ dụng.

Kinh Vô Cấu và trong mười tám bất cộng pháp thì tâm của Như Lai hằng tại định. Luận Đối Pháp quyển 1 ghi: “Tánh của năm thức thân tán loạn”.

**Luận:** “Thành sở tác trí là thức nào tương ứng?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Đã không có năm thức thì Thành sở tác trí là thức nào tương ứng?

**Luận:** “Thức thứ sáu tương ứng khởi hóa dụng”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp: Thức thứ sáu tương ứng vì có thể khởi hóa dụng, không phải thức khác đồng thời.

**Luận:** “Cùng với tánh của diệu quán sát trí có khác gì?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Đã cùng với Thức thứ sáu tương ứng thì cùng với thể tánh của diệu quán sát trí có khác gì? Không thể một thức mà hai trí sinh.

**Luận:** “Trí kia quán các pháp”, đến “cho nên có sai biệt”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: diệu quán sát trí kia có thể quán các pháp tự tướng và cộng tướng, còn thành sự trí này thì chỉ khởi hóa dụng cho nên hai trí khác nhau.

**Luận:** “Phẩm của hai trí này”, đến “không đồng thời khởi”.

Thuật rằng: Người ngoài lại hỏi: phẩm của hai trí này đáng lẽ không cùng khởi. Các luận khác nói không có xứ thì không có dung chứa, đồng thân thì đồng loại, một thân mà hai thức là thừa nhận đồng thời sinh. Hiện tại đã là một loại Thức thứ sáu thì đáng lẽ không đồng thời khởi.

**Luận:** “Thừa nhận không cùng khởi”, đến “đều cũng không có lỗi”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Thừa nhận không cùng khởi, đối với lý thì không trái nhau, vì sát-na trước sau khởi riêng khác, nhưng hiện hành nhanh chóng tự như hai dụng đồng thời. Phần thứ hai giải thích, đồng nghĩa của một thức thể, dụng phân làm hai thì nói hai trí đồng thời cũng không có lỗi, như một Ý thức thấy sắc và nghe tiếng. Nghĩa một thể phân ra, đều này cũng như thế. Đây là phần thứ nhất giải thích thành sự trí phẩm cùng với Thức thứ sáu đồng thời.

**Luận:** “Hoặc cùng với Thức thứ bảy”, đến “thành sự phẩm nhiếp”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai giải thích. Hoặc thành sự trí cùng với Thức thứ bảy đồng thời. Nướng vào căn duyên cảnh là dụng sai biệt của bình đẳng trí. Bình đẳng trí này đã có thể biến khởi thọ dụng và biến hóa hai thân, có thể làm căn và cảnh mà nướng vào đó, nướng vào

thức hóa tha căn và cảnh này thì chỉ có bình đẳng dụng. Khởi hóa dụng thô thì hóa thành dị sinh loại gọi là thành sự trí. Khởi hóa dụng tế thì hóa thành địa thượng loại gọi là bình đẳng trí.

**Luận:** “Lẽ nào không phải phẩm này chuyển năm thức mà đắc?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi: Lẽ nào không phải thành sự trí phẩm này chuyển năm thức mà đắc, tại sao nói bảy thức đồng thời?

**Luận:** “Không phải chuyển năm thức kia mà đắc”, đến “không nên đặt vấn nạn”.

Thuật rằng: Hiện tại chỉ lấy khi sinh tử kia diệt thì Niết-bàn được hiển, gọi là chuyển sinh tử mà đắc Niết-bàn, không phải tánh của Niết-bàn tức là sinh tử. Hiện tại trí này cũng như thế, do chuyển bỏ nhân thì năm thức diệt, đây là duyên thô sự cảnh thức phẩm mà sinh. Nói thành sự trí chuyển năm thức mà đắc, không lấy năm thức chuyển trong nhân để khởi thành sự trí phẩm trong quả, thành sự trí phẩm tức là năm thức. Sự này nếu cho là chuyển năm thức mà đắc thành sự trí phẩm thì liên trái với kinh Hoa Nghiêm và Nhiếp luận, là giải thích của sư thứ hai. Phật chỉ có ba cõi là thật, ngoài ra là hư. Văn của mười lăm giới là chính.

**Luận:** “Có nghĩa Như Lai”, đến “Hữu lậu và Vô lậu”.

Thuật rằng: Có ba phần:

1. Nêu tông.
2. Tổng hợp các điều trái.
3. Kết chánh.

Đây là phần đầu. Sư thứ ba nói: “Uẩn xứ và giới kia đều thông với Hữu lậu và Vô lậu, cho nên ba pháp ẩn xứ giới của Phật đều chỉ có Vô lậu”.

**Luận:** “Tập luận nói”, đến “cảnh sở tri nhiếp”.

Thuật rằng: Từ đây xuống tổng hợp các điều trái nhau có hai phần:

1. Tổng hợp sư thứ nhất.
2. Tổng hợp sư thứ hai.

Tổng hợp văn của sư thứ nhất, Tập luận quyển 3 ghi: “Mười lăm giới chỉ có Hữu lậu”. Lại nương vào cảnh thể cận của thô ác và cảnh thể của thức trí mà nói, hoặc là cảnh thể thô. Cận là thức dụng, tức là thân mười lăm giới của Nhị thừa và Thập Địa Bồ-tát chỉ có Hữu lậu, không phải nói mười lăm giới của tất cả phàm, Thánh và hữu tình đều chỉ có Hữu lậu.

**Luận:** “Nhưng các chỗ khác nói”, đến “lý đáng lẽ cũng vậy”.



Thuật rằng: Kinh Đại Bát-nhã và các kinh khác ghi: “Hiển không phải như tướng của cõi kia, biểu không phải cảnh Sở tri của hạ trí.

**Luận:** “Tại sao vậy?” đến “giải thoát thân”.

Thuật rằng: Hữu vi đều là uẩn. Nói tất cả pháp đều là xứ giới nhiếp, các luận đều đồng văn này. Nói mười chín giới là chỗ ngăn trách của kinh Vô Cấu Xưng. Không phải căn và cảnh của Như Lai, không phải mười tám giới nhiếp. Đây là ngăn trách sư thứ nhất kế chấp căn và cảnh của Như Lai không phải giới xứ nhiếp. Hoặc dứt bật hý luận cho nên không phải giới... cũng không nên tụng này nói công đức của Như Lai tức là Vô lậu giới, là thiện, là thường, cũng là an lạc; cũng không nên gọi là giải thoát thân, vì giải thoát thân đã có thể gọi thì uẩn xứ giới đáng lẽ cũng có thể gọi.

**Luận:** “Lại nữa, các chỗ nói”, đến “là mật ý nói”.

Thuật rằng: Kinh Niết-bàn và Trang Nghiêm Luận: “Chuyển vô thường uẩn đạt được thường uẩn”. Kinh Thắng Man ghi: “Như Lai diệu sắc thân”, cho nên trong các kinh nói Phi sắc là mật ý nói. Mật ý nói là hiển cảnh giới của trí không phải thô thiển. Từ đây trở lên là phá kế chấp của sư thứ nhất.

**Luận:** “Lại nữa, nói năm thức”, đến “không phải chỗ thành của Phật”.

Thuật rằng: Ý văn có thể hiểu. Đây là phá sư thứ hai.

**Luận:** “Cho nên trong Phật thân”, đến “mà thuần Vô lậu”.

Thuật rằng: Phần thứ ba tổng kết nghĩa của tông. Trong ba sư nói thì nghĩa này là chính. Tiếp theo giải thích chúng đức có bốn phần:

1. Chẳng nghĩ bàn.
2. Thiện.
3. Thường.
4. An lạc.

Trước hết là giải thích câu thứ hai, giải thích Bát tư nghị có ba giải thích. Nhiếp luận quyển 9 và Thế Thân giải thích đồng nhau, không có dị kiến.

**Luận:** “Quả Chuyển y này”, đến “nói nghị đạo”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ nhất. Trí và cảnh đều có đủ nghĩa này.

**Luận:** “Vi diệu thậm thâm tự nội chứng”.

Thuật rằng: Giải thích riêng bất tư. Lại nữa, trí vi diệu, tánh tướng thậm thâm, sở duyên cảnh tự chứng bên trong. Lại nữa, cảnh vi diệu, trí thậm thâm mới có thể nội chứng. Lại nữa, cả hai lý đều thông, Nhiếp

luận chỉ có nói nội chứng, chỉ giải thích riêng Chân như.

**Luận:** “Không phải các thế gian ví dụ cho chỗ ví dụ”.

Thuật rằng: Giải thích riêng bất nghị. Dứt bật so sánh, không có suy lường cho nên chẳng nghĩ bàn. Như trong Nhiếp luận lấy ba nghĩa giải thích chẳng nghĩ bàn. Luận Hiển Dương quyển 18 có chẳng nghĩ bàn phẩm, cũng không nêu ra ba nghĩa này, luận Du-già cũng vậy, cho nên không nói ra.

**Luận:** “Đây lại là thiện”, đến “đều nói là thiện”.

Thuật rằng: Phần thứ hai là thuyết minh thiện. Tụng nói thiện là tánh của bạch pháp, vì thể bạch cho nên khác với Bất thiện và Vô ký, vì có thể đoạn hắc cho nên gọi là bạch. Nếu như thế thì thiện này cùng với Hữu lậu thiện có khác gì? Vì pháp giới lìa xa sinh diệt, cực an ổn. Bốn phẩm diệu dụng không có gì so sánh và rất khéo léo tiện lợi, Vô vi và Hữu vi cả hai đều thuận ích, cùng với Hữu lậu thiện sai biệt, trái với Bất thiện. Từ đây xuống hợp chung Tứ thiện đó cho nên gọi là thiện. Quyển 6 trước giải thích thiện đã nói xong.

**Luận:** “Luận nói các xứ”, đến “năm căn và ba cảnh”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài vấn nạn: Bốn trí tâm phẩm đã chỉ là thiện, luận Đối Pháp quyển 4 nói tám thức chỉ có Vô ký, là năm căn và ba cảnh. Như Lai thì lẽ nào không có năm căn?

**Luận:** “Trong đây ba giải thích nói rộng như trước”.

Thuật rằng: Đây là luận chủ đáp: Trong đây ba giải thích nói rộng như trước, như ba thuyết trước giải thích Hữu lậu.

**Luận:** “Tất cả Như Lai”, đến “Vô lậu thiện nhiếp”.

Thuật rằng: Năm pháp của Chân như đều là diệt Đạo nhiếp. Diệt Đạo nhiếp là trong các kinh luận nói đã chỉ có Vô lậu cho nên diệt đạo này chỉ có thiện. Lại nữa, luận Đối Pháp quyển 6 và luận Du-già ghi: “Có pháp giới thanh tịnh không phải khổ và tập”. Nhiếp luận cũng nói như vậy. Hai giải thích này cùng với bốn giải thích trước hợp chung là sáu giải thích, đã như thế thì chỗ có nhãn căn của Phật đều là Vô lậu thiện. Tương tự Hữu lậu thiện và Vô ký, và vì tương tự Hữu lậu thiện cho nên gọi đó là thiện không phải thật.

**Luận:** “Đây lại là thường”, đến “vô đoạn vô tận”.

Thuật rằng: Phần thứ ba giải thích thường. Đây lại là thường, vì năm pháp đều không hết thời kỳ. Lại nữa, Chân như không có sinh diệt cho nên thường, không có biến dịch cho nên thường, đều là tự tánh thường. Chân như thường là sở y của bốn trí tâm phẩm cho nên thường. Thể của bốn trí tâm phẩm không đoạn và không tận cho nên nói là

thường. Vô đoạn thường là nghĩa không đoạn thường - là chấp thân. Vô tận thường là hóa thân, là nghĩa tương tục thường. Trang Nghiêm luận nói có ba thứ thường, như các sự thường thí thực thọ lạc. Bốn trí không phải nghĩa tự tánh là thường. Từ chỗ sinh của nhân, là thuyết minh từ chủng sinh. Nếu ban đầu thì chỉ có sinh mà sau không diệt thì liền trái với lời Phật nói. Xưa nay đã nói sinh đều là diệt. Lại nữa, nếu sắc và tâm đều là tự tánh thường - không thấy nói - vì trái với tỷ lượng. Người đạt được thường sắc, do nguyện lực hóa hữu tình, là nghĩa thường bất đoạn tương tục. Quyển 78 và Giải Thâm Mật ghi: “Hoá thân có tướng sinh khởi, tận vị lai tế cũng giải thích nghĩa thường bất đoạn và vô tận, vì nguyện lực thường. Văn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Đây lại là an lạc”, đến “đều gọi là an lạc”.

Thuật rằng: Phần thứ tư giải thích an lạc. Vì không bức bách và không náo hại chư hữu tình, không phải như Hữu lậu thiện bức đui sinh tử, náo loạn hữu tình loại, không khiến cho hưởng đến Niết-bàn. Lại nữa, pháp Hữu lậu đều là hành khổ, vì tánh bức bách, tăng thêm phiền não cho nên không phải an lạc. Hai Chuyển y quả đều gọi là an lạc. Lạc là Năm lạc, an là Năm an, mỗi mỗi đều có nhiều thứ. An và lạc sai biệt thế nào? Các lạc thọ của Hữu lậu là lạc mà bất an, vì thô động chuyển; Hữu lậu khinh an là an mà không lạc, vì không thể thuận ích đắc Niết-bàn. An lạc này thì sai biệt như Sở giải của quyển 1.

**Luận:** “Chỗ đắc của Nhị thừa”, đến “gọi là giải thoát thân”.

Thuật rằng: Tiếp theo giải thích giải thoát thân. Trong đó có hai phần:

1. Nói sơ lược.
2. Nói rộng.

Chỗ đắc của Nhị thừa là hai quả Chuyển y này, chỉ gọi là giải thoát thân, là giải thoát sinh tử và phược pháp, vì Chuyển y kia không có chỗ trang nghiêm pháp thù thắng của mười lực. Không gọi là pháp thân, Thù thắng pháp là đoạn Sở tri chướng mà được nương vào Vô lượng công đức. Kinh Giải Thâm Mật và quyển 78 ghi: “Chân như làm giải thoát thân mà nói, bạch Thế Tôn! Chỗ đắc Chuyển y của Nhị thừa gọi là pháp thân hay không? Thiện nam tử! Không gọi là pháp thân! Nên gọi là thân gì? Gọi là giải thoát thân. Do giải thoát thân mà nói Nhị thừa cùng với Phật bình đẳng bình đẳng, do pháp thân cho nên nói có sai biệt. Vô lượng tối thắng công đức, tính đếm ví dụ đều không thể bằng! Cho nên thân kia gọi là Chân như, là giải thoát thân của Nhị thừa. Không phải giải thoát thân trong năm phần pháp thân. Thế chỉ có

Thắng tâm sở, vì đây là Vô vi giải thoát. Quả Bồ-đề của nó là giải thoát tri kiến thân trong năm phần pháp thân, không gọi là pháp thân, vì Bồ-đề và Niết-bàn đều lìa phược, chỉ gọi là giải thoát thân!”

**Luận:** “Đại giác Thế Tôn”, đến “chỗ trang nghiêm”.

Thuật rằng: Tiếp theo giải thích Đại Mâu-ni gọi là pháp thân. Thành tựu Vô thượng Tịch mặc pháp, tiếng Phạm gọi là Mâu-ni, ở đây gọi là Tịch mặc. Tịch mặc pháp là pháp lìa nói năng, hoặc lìa lỗi cho nên gọi là Tịch mặc, thông với ba mà giải thích. Thành tựu tánh tướng ly ngôn bất nhị pháp môn của tất cả pháp gọi là Tịch mặc, là chỉ có Thế Tôn ta Đại Mâu-ni Tôn hai Chuyển y quả, cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là giải thoát. Nói pháp thân, không phải pháp thân trong ba thân. Phật đắc cả hai tên, lìa phiền não cho nên gọi là giải thoát thân, lìa Sở tri chướng đủ vô biên công đức gọi là pháp thân. Trong đây có ý nói, Hữu vi và Vô vi mỗi mỗi đều đối với chỗ y của Tự thân công đức pháp gọi là pháp thân.

**Luận:** “Thể nghĩa là y tụ”, đến “đều là thân này nhiếp”.

Thuật rằng: Tại sao gọi là thân? Nghĩa thể tánh, nghĩa y chỉ, nghĩa chúng đức tụ, có đủ ba nghĩa đó cho nên gọi là thân, do đó thông với ba thân, hoặc biệt nghĩa hoặc tổng nghĩa lìa danh tướng, nghĩa này luận Phật Địa cũng có, vẫn còn lại có thể hiểu.

**Luận:** “Như vậy pháp thân”, đến “chỗ y chỉ”.

Thuật rằng: Từ đây xuống các môn phân riêng có bảy môn:

1. Ba thân tướng riêng môn.
2. Trong nêu chung pháp thân của phần thứ nhất lại có Thắng nghĩa riêng lập thân gọi là tự tánh.
3. Lìa tướng, là không có mười tướng.
4. Tịch nhiên, là đường của tâm và tư dứt bật.
5. Tuyệt chư hý luận, là lìa ngôn ngữ.
6. Chư Phật tự tánh, gọi là tự tánh thân.
7. Chỗ y của pháp Hữu vi Vô vi công đức gọi là pháp thân.

**Luận:** “Hai thọ dụng thân”, đến “pháp lạc quảng đại”.

Thuật rằng: Đến cực viên tịnh thường Biến sắc thân, là nhiều tướng đều có đủ sẵn gọi là cực viên, thể lìa nhiều ưu hoạn gọi là cực tịnh, vô gián vô đoạn gọi là cực thường, vô sở bất tại gọi là cực biến, thể tích tập có ngại gọi là sắc thân. Đây là công đức mà thân nương vào, một là thường Bất đoạn thường, hai là biến lượng Đồng không. Tướng tục trạm nhiên, nói tướng tục là lựa riêng với tự tánh thân, vì có sinh diệt. Nói trạm nhiên là lựa riêng với tha thọ dụng và hóa thân, vì thân

đó có khi đoạn.

**Luận:** “Hai tha thọ dụng”, đến “các sự lợi lạc”.

Thuật rằng: Trong tha thọ dụng thị hiện thân và độ đều do bình đẳng trí. Hiện thân thông thuyết pháp đều do quán sát trí. Tự tha thọ dụng pháp lạc gọi là thọ dụng thân. Biến hóa thân không phải như thế.

**Luận:** “Vì năm pháp tánh”, đến “đều có thật tánh”.

Thuật rằng: Phần thứ hai năm pháp nhiếp ba thân môn. Sư thứ nhất đã từng nói Chân như là pháp thân. Phật Địa kinh ghi: “Luận nói Chuyển Thức thứ tám đặc tự tánh”. Nhiếp luận quyển 9 ghi: “Chuyển bỏ tạng thức, đặc viên cảnh trí, cũng là trí thù thắng”. Nói bình đẳng trí đối với thuần tịnh độ thì vì các Bồ-tát mà hiện Phật thân. Luận Phật Địa ghi: “Như các luận khác nói”, nhưng cuối cùng không nêu ra luận nào. Trang Nghiêm luận nói, nhưng phải xem các bản Sao thì nói quán sát trí phần lớn là tập tổng hợp trong đó. Luận Phật Địa nói cũng như các luận khác nói, cũng tại Trang Nghiêm luận, phải xem lại các văn của bản Sao cũng có chuyển các Chuyển thức mà được thọ dụng thân, là trí phẩm của Nhiếp luận nói. Nói Thành sự trí đối với mười phương cõi, thị hiện hóa độ khó nghĩ bàn, là luận Phật Địa và luận Trang Nghiêm nói. Lại nữa, trí thù thắng của Nhiếp luận nhiếp đủ ba thân.

**Luận:** “Có nghĩa thứ nhất”, đến “không phải sắc tâm”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói có hai phần: một là tự tánh, hai là các thân khác.

Văn tự tánh có bốn đoạn:

1. Nêu.
2. Dẫn chứng.
3. Giải thích điều trái nghịch.
4. Giải thích tự tánh thân vốn là thường.

Luận Trang Nghiêm có ba thứ thường, luận Phật Địa quyển 7 dẫn nói pháp thân Phật không có sinh diệt. Phật Địa ghi: “Tán thán luận thuyết của chư Phật”. Nhưng quyển 78 và Giải Thâm Mật cũng có câu nói này. Pháp thân không có sinh diệt, hóa thân thì có không và diệt. Nói chứng nhân đặc Phi sinh nhân. Kim Cương luận của Thế Thân Bồ-tát nói: “Lại nữa, nói pháp thân là Chư Phật có chung”. Luận Phật Địa nói và các kinh luận nói, là trong luận Đối Pháp quyển 1 và Nhiếp Đại thừa trí phẩm cũng có câu này.

**Luận:** “Nhưng nói chuyển bỏ”, đến “thật tánh của nó”.

Thuật rằng: Nhưng nói “Chuyển bỏ tạng thức mà đặc”, là tổng hợp văn của Nhiếp luận mà sư thứ nhất dẫn, đây là đoạn thô trọng để

hiển Chân như. Câu văn trí thù thắng cũng có thể hiểu, vì pháp thân là chỗ y chỉ của trí, là thật tánh của trí.

**Luận:** “Tự tánh pháp thân”, đến “đắc thọ dụng”.

Thuật rằng: Bốn trí phẩm trung và hạ giải thích trong thân có hai phần:

1. Nêu trí nhiếp.
2. Giải thích tướng.

Trong tướng có hai đoạn:

1. Tự thọ dụng.
2. Tha thọ dụng.

Trong tự thọ dụng có ba phần:

1. Dẫn chứng.
2. Giải thích những điều trái.
3. Thuyết tướng.

Bình đẳng trí phẩm hiển hiện tha thọ dụng, vì đặc diệu lý tự tha thọ dụng, riêng vì giáo hóa căn cơ bậc thượng mà hiện thân và độ. Thành sự trí phẩm thì tùy loại mà hóa hiện thân và độ, diệu quán sát trí thuyết pháp trong đó, cứ theo thật mà nói là hai thân và bốn trí đồng thời hiện, lẽ nào viên cảnh trí duyên Nhị thân mà không thể thân cận lợi ích? Vì trí này chỉ tướng tự dụng của hậu đắc trí mang nói viên cảnh trí là thọ dụng của Phật, đây là văn của luận Trang Nghiêm. Nhưng sư trước giải thích ý văn này như thế nào? Chuyển các Chuyển thức mà đắc thọ dụng, là văn của Nhiếp luận, theo văn này thì chứng Bốn trí đều là thọ dụng thân.

**Luận:** “Tuy chuyển tạng thức”, đến “thuộc thân nào nhiếp?”

Thuật rằng: Cũng là đắc thọ dụng, giải thích nhiếp Đại thừa tại sao không nói chuyển tạng thức đắc thọ dụng thân, cho nên nói là pháp thân, như trước đã giải thích. Viên cảnh trí phẩm là thật sắc và tâm, cùng với phi sắc phi tâm trái nhau.

**Luận:** “Lại nữa, thọ dụng thân”, đến “thật trí làm thể”.

Thuật rằng: Đây là lấy trí để giải thích vấn nạn. Trong giải thích tha hóa thân có phần:

1. Lập lý.
2. Giải thích trái nghịch.
3. Thuyết tướng.

**Luận:** “Tuy nói hóa thân”, đến “thể thật ra không phải trí”.

Thuật rằng: Đây là giải thích văn trước chỗ dẫn trí thù thắng nhiếp tam thân của Nhiếp luận. Nhưng tự thọ dụng thì thật trí làm thể căn cứ

theo tha thọ dụng thân, không nói Thật Vô lậu trí.

**Luận:** “Chỉ nói bình đẳng”, đến “tự thọ dụng nhiếp”.

Thuật rằng: Đây là giải thích văn chỗ dẫn trước bình đẳng trí hiện khởi thọ dụng, thành sự trí hiện khởi tam nghiệp giáo hóa, chỉ thuyết minh hai trí hiện khởi hai thân, thể không phải hai thân. Phần thứ ba là hai thân tướng của tha hóa thân, trong đó có bốn đoạn:

1. Nêu.
2. Lập lý.
3. Dẫn chứng.
4. Tổng hợp các điều trái nghịch.

**Luận:** “Nhưng biến hóa thân”, đến “không có pháp hình chất”.

Thuật rằng: Là hóa hiện tâm và tâm sở. Luận Phật Địa ghi: “Thật Tướng phần này tương tự Kiến phần hiện khởi”. Phật Địa quyển 7 có hai thuyết, cũng như luận kia, không phiên dẫn ra.

**Luận:** “Nếu không như thế thì”, đến “cũng chưa biết”.

Thuật rằng: Dưới đây là lập lý và dẫn chứng.

**Luận:** “Do kinh này nói”, đến “hoá làm ba nghiệp”.

Thuật rằng: Dưới đây là dẫn chứng. Hóa là vô lượng loài đều khiến cho có tâm. Hóa vô lượng loại hóa nhân, đều khiến cho có tâm để dẫn người khác. Đây là kinh Niết-bàn, dưới đây là kinh Phật Địa.

**Luận:** “Lại nữa, nói biến hóa”, đến “Tướng phần hiện”.

Thuật rằng: Đây là văn của kinh Giải Thâm Mật, quyển 78 đồng.

**Luận:** “Tuy nói biến hóa”, đến “cho nên không nói có”.

Thuật rằng: Đây là tổng hợp lại các điều trái nghịch, tức là quyển 98 nói, đối với bốn sự không thể hóa:

1. Căn.
2. Tâm.
3. Tâm sở.
4. Nghiệp và quả báo của nghiệp.

Lại nữa, không có các dụng của căn, không giống như sắc, thanh... cho nên nói hoa đốm trong hư không. Nếu không như thế thì hương... đáng lẽ cũng như vậy. Như quyển 54, quyển 53 phần cuối và quyển 2 Sao trước, nhân thuyết minh trong hóa này, hóa thành pháp gì?

**Luận:** “Như vậy tam thân”, đến “công đức của hóa tướng”.

Thuật rằng: Phần thứ ba tam thân công đức các dị môn. Pháp thân đáng lẽ lấy gỗ đá đặt câu vấn nạn, thân gỗ đá kia cũng không thể khởi tham khuể... thì đáng lẽ gọi là đủ công đức. Đây là thuận sinh pháp

thiện, cho nên không được làm ví dụ. Thường, lạc, ngã và tịnh đáng lẽ phân riêng, ly nhiễm là lựa riêng với Hữu lậu. Chúng thiện sở y là lựa riêng với Hữu vi và Vô vi công đức để hiển không sinh diệt. Ngoài ra như Xu Yếu và Phật Địa quyển 7 giải thích.

**Luận:** “Lại nữa tự tánh thân”, đến “vì người khác mà hiện”.

Thuật rằng: Phần thứ tư Tam thân nhị lợi môn. Có thể hiểu.

**Luận:** “Lại nữa, tự tánh thân”, đến “khắp tất cả xứ”.

Thuật rằng: Phần thứ năm tam thân sở y độ phân biệt môn, như Xu Yếu giải thích, tức là pháp thân cũng gọi là tự tánh thân. Pháp tánh độ, vì thuộc về Phật, pháp tướng và tánh khác nhau, vì nghĩa của Phật là tướng, là sở y công đức pháp của Hữu vi, là có nghĩa nhiều đức tụ hợp, là tự thể của hai thân. Pháp nghĩa là tánh, là tự tánh công đức, vì có thể trì tự tánh, tự tánh của các pháp. Thể là độ, nghĩa là thân.

**Luận:** “Tự thọ dụng thân”, đến “cũng không có định hiện”.

Thuật rằng: Trở lại tùy thọ dụng độ, dưới đây tùy hai thân tùy tự độ cũng như thế, không phải lia thân mà riêng có tên độ, như Xu Yếu giải thích. Nhưng công đức này tùy sở Y thân và trí tuệ, tùy sở chứng như pháp, cũng có thể nói khắp tất cả xứ, tùy nghi trụ Thập Địa Bồ-tát. Kinh Thập Địa ghi: “Thập Địa mỗi mỗi đều có phần lượng lớn và nhỏ”, rộng như kinh đó nói. Chỉ thấy trăm vị Phật, trăm lá cây hóa Phật, thấy một trăm tam thiên đại thiên thế giới biến hóa thân và độ. Nhân duyên thành tựu của cõi phật tịnh và uest, vì trong hóa độ có tịnh và uest, không phải tha thọ dụng độ cho nên nói tịnh và uest. Tha thọ dụng pháp lạc tăng trưởng thì đồng với tự thọ dụng, đều gọi là thọ dụng. Hóa độ (cõi biến hóa) tuy cũng thuyết pháp, thần thông tăng trưởng cho nên lập tên là biến hóa. Nghĩa pháp lạc yếu kém, đây là luận Phật Địa nói rộng đại tinh tấn.

**Luận:** “Tự tánh thân độ”, đến “tất cả sinh”.

Thuật rằng: Phần thứ sáu tam thân chư Phật thân độ sở hóa đồng dị môn. Cần phải xem Phật Địa, xem qua một lần, Phật Địa rất hay. Trong cộng thật ra là nhiều, kiến là đối với tất cả độ có thân Phật. Trong bất cộng, luận Phật Địa dẫn Di-lặc Bồ-tát sau khi căn thuần thực. Lại xem Biệt sao, Di-lặc phát tâm, kiếp số dài ngắn cho đến nói rộng.

**Luận:** “Chư thân độ này”, đến “đều là thiện Vô lậu”.

Thuật rằng: Đây là môn thứ bảy, trong đó có hai phần:

1. Thuyết minh năng biến và sở biến của thân độ.

2. Nương vào giải thích Kiến phần và Tướng phần đồng dị của

Duy thức.



Đây là môn thứ nhất. Thức thứ tám tuy thật ra là duyên chung tịnh độ và nhiễm độ, nhưng phỏng theo sự tăng trưởng hiển hiện sở đắc thì tự thọ dụng thân chỉ có chỗ biến của tịnh Vô lậu thức, đã chỉ có năng tri biến của Phật, không phải Sở tri biến khác. Thể của tha thọ dụng thân và tha thọ dụng độ chỉ là tịnh, nhưng năng biến thì thông với Hữu lậu và Vô lậu. Bồ-tát trong Như Lai và Thập Địa, sau khi Vô lậu thì đắc sở biến, tức là thuần tịnh Vô lậu. Hoặc Thức thứ tám của Thập Địa gồm cả năm thức và Hữu lậu tán tâm của Địa thứ bảy trở lại, và Hữu lậu sau khi đắc sở biến, tức là thuần tịnh mà có biến hóa.

Hỏi: Đã thừa nhận Hữu lậu thức cũng có thể biến hóa tịnh độ, tha thọ dụng độ thì tại sao chỉ có tịnh?

Đáp: bản chất chỗ biến của Phật không phải là uế độ, vì năng biến không có phiền não cấu uế, vì không có thức ô uế, cho nên cõi sở biến chỉ có tịnh độ, thông với Hữu lậu và Vô lậu. Đây là căn cứ theo tương tự, hoặc là bản chất của Biến hóa độ thông với tịnh và uế nhưng chỉ có Vô lậu, hoặc tùy theo sở biến Vô lậu tâm của Nhị thừa kia tức là Hữu lậu thì đều thông với tịnh và uế, hoặc Nhị thừa sau đó đắc bất năng biến, tức là chỉ có Hữu lậu thông với nhiễm và tịnh, như chỗ thấy búi tóc xoắn hình ốc của Phạm vương và Xá-lợi-phất khác nhau. Hiện tại tổng trong văn của luận này phỏng theo ba pháp và tất cả hữu tình mà làm luận.

**Luận:** “Thuần thiện Vô lậu”, đến “không phải khổ tập”.

Thuật rằng: Vô lậu Tướng phần này đồng với Thức năng biến, xưa nay là thiện Vô lậu. Tướng không lia kiến đồng với không trói buộc, vì tâm năng biến biến tương tự với tự cảnh. Lý của phước cùng với bất phước chắc chắn phải đồng. Nghĩa thuận ích của tâm Vô lậu là thù thắng. Bi lực rộng lớn, Tướng phần và Kiến phần chắc chắn đồng với thiện tánh, tất cả pháp nhĩ Vô lậu là thiện cho nên tánh thì đồng, vì tánh tướng đó chắc chắn đều là thuận lý, cho nên tánh thì đồng, không như tánh của Kiến phần và Tướng phần của tâm Hữu lậu có khác nhau. Nói nhân duyên tức là chủng tử.

**Luận:** “Thức tướng của uẩn”, đến “tạp dẫn sinh”.

Thuật rằng: Vì nhân duyên của ba pháp uẩn xứ giới tạp dẫn sinh. Nói Kiến phần là tâm, Tướng phần là phi tâm, như căn và cảnh bên trong tướng của Thức thứ tám và sở duyên sắc của Thức thứ sáu, vì cùng với Kiến phần không phải một loại chủng tử sinh, sắc và tâm khác nhau, vì không trái nhau. Trong pháp Tướng phần của Vô lậu có năm uẩn cũng như căn, tức là Tướng phần thuần chủng, cùng với Kiến phần

Vô lậu và tánh đồng, vì cùng với tạp chủng của kiến. Sắc uẩn và tâm uẩn cũng mỗi mỗi đều có khác, cho đến Tướng phần của pháp tướng ứng mong nhau cũng như thế. Do thức khởi tướng đồng với pháp thuần chủng không trói buộc chỉ có Vô lậu, pháp tác dụng không đồng, tạp chủng sinh sắc và tâm, không thể vấn nạn Hữu lậu đồng với Vô lậu.

**Luận:** “Trên Hữu lậu thức”, đến “không phải diệt và đạo”.

Thuật rằng: Thuần từ chủng tử mà sinh, đồng là pháp trói buộc, cho nên nói là thuần, do chỉ có Hữu lậu.

Hỏi: Tại sao cõi trói buộc Kiến phần và Tướng phần thừa nhận trói buộc riêng, Hữu lậu và Vô lậu phải đồng hay không?

Đáp: Kiến và tướng tuy giới trói buộc riêng, nhưng vẫn thuận nhau.

**Luận:** “Thức tướng của thiện”, đến “năm mươi hai”.

Thuật rằng: Tướng phần ba tánh thức của thiện không chắc hẳn đều đồng, vì tánh và tướng riêng khác, Hữu lậu gọi là đẳng thể phần chuyển, vì không thuận lý, không thể dẫn Tướng phần và Kiến phần khiến cho đồng. Kiến phần của tử thức, diệt thức, thân thức cùng với Tướng phần của nó không phải đồng tánh, cho nên Tướng phần và Kiến phần không phải đồng tánh. Trong Tướng phần và Kiến phần, ba tánh nhân duyên tạp dẫn sinh, không thể đồng tánh vì tác dụng riêng. Tánh không thể đồng, như Vô lậu duyên thì liền đồng với Tướng phần chỉ có Hữu lậu. Hư không có thể duyên tâm thông với ba tánh, Tướng phần chỉ có Vô ký, hương... ba cảnh chỉ có Vô ký. Thức năng duyên thông với ba tánh, hoặc đều là thuần chủng thì chỉ có một tánh, vì ba cảnh chỉ có Vô ký. Chữ “đẳng” đáng lẽ không thành lỗi. Không thể nói phỏng theo sở biến của Thức thứ tám, chỉ nói là Vô ký. Sở biến của ba thức thông với ba tánh, hai cảnh cũng như thế, vì sở biến của ba thức thuộc ba xứ nhiếp, đáng lẽ nói là thông với ba tánh. Các luận đều không có văn này. Hư không và phi trạch làm ví dụ cũng đáng lẽ như thế, cho nên Tướng phần và Kiến phần không đồng tánh, tánh khác nhau đã như thế. Thức tướng của uẩn thì hoặc là Tướng phần và Kiến phần đồng, hoặc là Tướng phần và Kiến phần khác loại, điều này nên biết cũng là bất định. Nếu uẩn của Tướng phần và Kiến phần cũng đồng nhau thì liền không có khác biệt năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới, đã có ba phần khác nhau thì biết rõ Tướng phần và Kiến phần không hẳn đều đồng nhau. Luận Phật Địa ghi: “Ba thân sinh diệt môn, hóa thân sắc của tự và tha đều là phi, hóa tâm cũng như thế”. Ba thân tương đối bốn cú môn, chúng sinh thân và pháp thân nhiếp ba thân môn, luận Thập Địa

nhiep ba thân môn, như môn thứ bảy kia.

Nhân giải thích năng biến và sở biến của thân và độ, tức là giải thích đồng dị Tướng phần và Kiến phần của Duy thức. Từ trên đến đây đã nương vào nói lược, nói rộng và vị mà thuyết minh Thức năng biến đã xong. Từ đây xuống là giải thích Tướng phần và Kiến phần hoặc trong đồng dị, tức là thuyết minh Tướng phần và Kiến phần đồng dị của Thức năng biến trong môn thứ bảy. Từ đây xuống phần thứ hai nhân theo giải thích nghĩa Duy thức.

**Luận:** “Nhưng Tướng phần”, đến “đều là thật có”.

Thuật rằng: Một là giải thích rằng: “Đồng lấy chỗ biến hiện của tâm sở. Sở biến gọi là hành tướng, y theo thức biến hiện”. Chỉ có hai phần nghĩa của Nan-đà, có khác phần ít giữa hai sở duyên xa và gần đều là không thật, vì sở duyên xa đồng lấy tướng gần, không làm hành tướng, đây là chỗ biết xa, vì như thức biến hiện. Lại nữa, lập ra ba phần gồm dưới đây có hai “lại nữa” để giải thích. Nương vào thức biến hiện, là Tướng phần đồng nắm lấy Kiến phần, thức là sở biến của tự thể. Tướng phần và Kiến phần này tuy thể là Y tha, nhưng thức là dụng của tự thể, không giống như thật trong Y tha của thức tánh. Thức là tự thể căn bản, Tướng phần và Kiến phần kia là ngọn là dụng. Như mặt trời với vầng sáng, như đèn với ánh sáng, thực hư khác nhau. Nếu không như thế thì đáng lẽ không nói Duy thức, mà nên nói duy cảnh chỉ có Kiến phần, vì thừa nhận Tướng phần và Kiến phần cùng với thức tự thể đồng thời thật có. Nghĩa này nên suy nghĩ. Giả sử duyên Tướng phần và Kiến phần của sắc cũng đều không thật thì không bằng thức, như duyên Tướng phần quá khứ vị lai và hư không của thức. Tuy có thật pháp không phải ít, nhưng Kiến phần không phải không có, vẫn duyên hư cảnh, hành tướng của hư cảnh là tâm không thật, cho nên kiến không bằng tự thể phần của thức. Tự thể phần của thức chỉ duyên thức, vì là căn bản, vì chứng tự thể, thể tánh là thật có, sự biến tương tự sắc của nó cũng đều không thật, là ý của sư này. Nếu như thế thì cảnh tướng của trí vô phân biệt như thế nào? Đó là nội chứng, cho nên đây là chỗ không luận đến. Như duyên tự thể, ngoài ra là cảnh bên ngoài, cho nên không đồng Chân như. Giả sử duyên tự thể của Chân như là thật có, vì không phải là sở biến của thức, thể của Chân như là thật, hiện tại luận này luận về sở biến, cho nên Tướng phần và Kiến phần là giả. Lại nữa, nếu Chân như là thật, tức là lấy phần ít thật có trong cảnh. Chỉ nói Duy thức, mà không nói duy cảnh. Hiện tại cho nội chứng là phải cho nên không thể ví dụ đồng với bên ngoài. Phật Địa quyển 3 có nghĩa của sư

này, là thừa nhận có ba phần nghĩa của tánh Y tha.

**Luận:** “Hoặc tướng kiến của thức”, đến “hư thật giống như thức”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói. Thức cùng với Tướng phần và Kiến phần đều từ duyên sinh nhân duyên pháp. Hai phần này hư và thật cùng với thức đều đồng. Tuy có duyên quá khứ và vị lai, nhưng tướng là Y tha, cùng với thức không khác nhau lắm. Lại nữa, ý của sư này nói, chỉ có Tướng phần cùng với một chủng tử của thức là thật, không ngăn trách duyên quá khứ và vị lai chỉ đắc giả pháp, đây là chánh nghĩa. Tướng phần và Kiến phần của sư trước tức là thức chủng sinh. Tướng phần và thức của sư này thì khác chủng sinh, Kiến phần và thức thì đồng chủng sinh. Nếu như thế thì đáng lẽ nói các pháp duy cảnh, tại sao nói Duy thức?

**Luận:** “Chữ “duy” nghĩa là không ngoài”, đến “cũng đáng lẽ không phải thật”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp: Chữ “duy” là Biến kế sở chấp đặt ngoài tâm, không ngăn trách Tướng phần sở biến của thức bên trong, nếu không làm giải thích này thì Chân như đáng lẽ không thật có. Chân như đã là thật cảnh tức là thật thành tựu thì tâm năng duyên Chân như lẽ nào là giả, cho nên cảnh và tâm xưa nay là thật, vì cảnh là hư mà nói là Duy thức, hoặc cảnh là thật, đặt cảnh bên ngoài tâm mà gọi là Duy thức, tức là Chân như không lìa thức, vì pháp không phải ngoài tâm, cũng là Duy thức nhiếp.

**Luận:** “Nội cảnh cùng với thức”, đến “Duy thức không phải cảnh”.

Thuật rằng: Người ngoài vấn nạn: Nội cảnh và thức đã đều không phải hư, tại sao có thể nói Duy thức không phải cảnh?

**Luận:** “Thức chỉ có bên trong”, đến “chỉ nói là Duy thức”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp có hai phần. Phần thứ nhất nói: “Thức chỉ có bên trong, cảnh thì cũng thông bên ngoài, tức là cảnh bên trong Tướng phần là Y tha, ngoài là Biến kế sở chấp. Vì pháp không phải tâm sở biến hiện mà nói đó là bên ngoài, không phải thế thật có cho nên gọi là bên ngoài. Sợ rằng cảnh bên trong tâm lạm tràn ra cảnh bên ngoài tâm, cho nên chỉ nói là Duy thức. Lại nữa, Sở duyên duyên xa cũng nói là bên ngoài. Nếu nói là Duy cảnh thì sợ rằng nắm lấy pháp ngoài tâm, cho nên ở đây không luận. Tâm bị chấp cũng là tâm ngoài pháp, nếu không có tư lự lạm tràn thì nói Duy cảnh cũng được. Vì lựa riêng với bên ngoài cho nên chỉ nói Duy thức.

**Luận:** “Hoặc chư ngu phu”, đến “như bên ngoài đều không có”.

Thuật rằng: Một là sở chấp làm thật, hai là lấy tâm ngoài cảnh, vì y theo đây cho nên nói mê chấp đối với cảnh, ý này có thể hiểu. Sư thứ hai giải thích Duy thức, trong kinh Phật Địa không có. Vì phá chấp cho nên tuy làm ngu phu, nhưng lý của duy tâm thì lẽ nào Phật không có, tức là sư thứ Nhị thừa nhận có nghĩa của Tướng phần và Kiến phần. Sư thứ ba giải thích.

**Luận:** “Hoặc là Tướng phần”, đến “quyết định tương ứng”.

Thuật rằng: Sư này không thừa nhận có nghĩa của Tướng phần và Kiến phần, chỉ có một thức tánh, do lực huân tập của mê vọng đời trước tương tự như phần nhiều sinh, tương tự như có Tướng phần và Kiến phần, tức là Hậu đắc trí của Phật không khác với Tướng phần và Kiến phần. Tâm thiện Hữu lậu nhân theo Hậu đắc trí mà có Tướng phần và Kiến phần, vì có pháp chấp, tương tự tướng Kiến phần trong tịnh độ và uế độ của Phật, không khởi hai giải thoát cho nên không phải sở chấp, ngoài ra khởi hai giải thoát cho nên là sở chấp. Lại nữa, Phật tự tại liễu trừ vọng chấp, nếu biến hóa Tướng phần và Kiến phần đều không phải sở chấp là do lực huân tập trong nhân quá khứ, quả này cũng như thế. Phật chứng các pháp không thể nói, các vị khác thì không như vậy, vì Tướng phần và Kiến phần đều là chấp, vì không chứng thì không thể nói cảnh. Hiện tại luận này y theo các thuyết còn lại cho nên nói không khác nhau. Hoặc Phật không hiện mà người khác tự thấy, nếu như thế thì Chân như không phải do vọng tình huân tập sinh, đáng lẽ không phải Duy thức, vì thật tánh của thức cho nên nói Duy thức, trừ thức tánh ra thì không riêng có hữu pháp nào khác.

**Luận:** “Ba phần của luận này”, đến “luận Thành Duy Thức”.

Thuật rằng: Từ đây xuống đoạn văn lớn, phần thứ ba giải thích phần kết thí nguyện, tức là sư thứ hai giải thích văn của luận. Phần đầu là một nửa tụng thứ nhất thuyết minh sơ lược tướng của Thức năng biến, phần giữa có hai mươi ba bài tụng rưỡi thuyết minh rộng về Duy thức. Phần sau cùng có năm bài tụng thuyết minh về giai vị của Duy thức. Vì ba thời thuyết pháp phần đầu, phần giữa, phần cuối của Phật, và năm giáo thiện, thuần nhất, viên mãn, thanh bạch và phạm hạnh, đồng với giáo kia cho nên nói ba phần, như quyển 1 Sao giải thích, văn còn lại có thể hiểu. Trong đây nói thành, tức là lấy giáo làm thành giáo, lấy giáo làm thành lý, thật ra lý đều thông hết. Nhưng nương vào Nhất giải thoát của cảnh và hạnh mà thành như giải thích trước. Thể của lý phân riêng nghĩa của tánh Duy thức và tướng Duy thức.

**Luận:** “Cũng nói luận này”, đến “cực minh tịnh”.

Thuật rằng: Nói tịnh là từ dụ mà hiển. Như tánh của Chân như tuy là bản tánh tịnh, nhưng nếu không tu tập tịnh thì không có gì để hiển rõ giáo và lý đồng thời đặc. Như tánh của châu báu tuy sáng sạch, nhưng nếu không mài giũa thì không có gì để xuất hiện quang minh. Như Tô- mê-lô tuy do các báu vật hợp thành, nhưng nếu không có ánh mặt trời phản chiếu thì lấy gì để hiển bày ánh sáng, luận này cũng vậy, như phần Sao thứ nhất của quyển 9 trước.

**Luận:** “Tên của bản luận này”, đến “lên Vô thượng giác”.

Thuật rằng: Hai câu đầu là tổng kết đoạn văn trên, hai câu sau là hồi hướng phát nguyện. Do ba mươi tụng hiển lý của Duy thức không phải tăng giảm, nương vào ba nghĩa phối hợp giải thích đều có nghĩa không phải tăng giảm.

